nanoco



BẢNG GIÁ
Price list 04/2021

Panasonic

www.nanoco.com.vn
info@nanoco.com.vn
fb.com/nanoco.com.vn

Huy Hoang





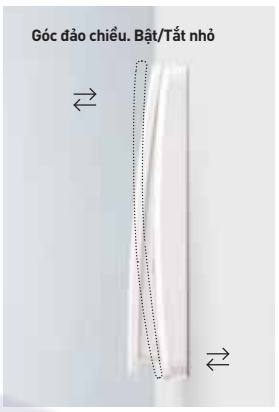

	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	105.000	WMT501MYZ-VN	115.000	WMT501MYH-VN	115.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	129.000	WMT502MYZ-VN	139.000	WMT502MYH-VN	139.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	365.000	WMT594MYZ-VN	395.000	WMT594MYH-VN	395.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	165.000	WMT503MYZ-VN	175.000	WMT503MYH-VN	175.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	199.000	WMT504MYZ-VN	209.000	WMT504MYH-VN	209.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	699.000	WMT596MYZ-VN	759.000	WMT596MYH-VN	759.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	225.000	WMT505MYZ-VN	245.000	WMT505MYH-VN	245.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	239.000	WMT506MYZ-VN	259.000	WMT506MYH-VN	259.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	365.000	WMT507MYZ-VN	395.000	WMT507MYH-VN	395.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	439.000	WMT508MYZ-VN	469.000	WMT508MYH-VN	469.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	65.000	WMT7811MYZ-VN	85.000	WMT7811MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	65.000	WMT7812MYZ-VN	85.000	WMT7812MYH-VN	85.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	65.000	WMT7813MYZ-VN	85.000	WMT7813MYH-VN	85.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	65.000	WMT6891MYZ-VN	85.000	WMT6891MYH-VN	85.000
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/hộp, 5 cái/thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN	2.500.000	WMT707MYZ-VN	2.700.000	WMT707MYH-VN	2.700.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	160.000	WMT540108MYZ-VN	199.000	WMT540108MYH-VN	199.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	1.730.000	WEC5781MYZ-VN	1.830.000	WEC5781MYH-VN	1.830.000

*Giá bán đã bao gồm VAT





WEVH5531K / WEVH5531-7K
(Cắm nhanh/Bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off**
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
22.000

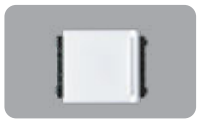

WEVH5521K / WEVH5521-7K
(Cắm nhanh/Bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off**
Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
22.000



WEVH5511K / WEVH5511-7K
(Cắm nhanh/Bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off**
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
22.000



WEVH5532/ WEVH5532-7
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
47.000



WEVH5522/ WEVH5522-7
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
47.000



WEVH5512/ WEVH5512-7
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
47.000



WEVH5542-7
Dùng với mặt **WEVH68030**
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi 250VAC - 10A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
149.000



WEVH5003
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A
Switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
162.000



WEVH5004
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E - 4 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
259.000



WEVH5033-7
Có đèn báo
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow Swich - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
255.000



WEVH5521
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
19.500



WEVH5511
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
19.500



WEVH68010
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
19.000



WEVH68020
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
19.000



WEVH68030
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
19.000



WEVH680290
Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
19.000



WEVH68910
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
19.000



WEVH8061
Mặt dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
19.000



WEVH68040
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
34.000



WEVH68060
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
34.000



WEVH5151 - 51/WEVH5151-7
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
120.000



WEVH5152 - 51/WEVH5152-7
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
141.000



WEVH5401-011
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
71.000





WEV5001SW/WEV5001-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
19.000

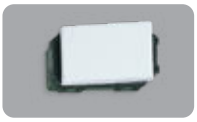

WEV5002SW/WEV5002-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C - 2 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
41.000



WEG5003KSW
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A
Switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
146.000



WEG5004KSW
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E - 4 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
233.000



WEG5151-51SWK/WEG51517SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
107.000



WEG5152-51SWK/WEG51527SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
126.000



WEV5033-7SW
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
227.000



WEG5401-011SW
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
65.000



WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W
Loại có chức năng bật tắt
Dimmer for Incandescent lamp, Off function type
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
325.000

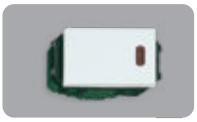

WEG5141SW
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
293.000



WEV5001H/WEV5001-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B (1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.000



WEV5002H/WEV5002-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C (2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
59.000



WEG5003KH
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A
Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
216.000



WEG5004KH
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
314.000



WEG5151-51KH/WEG51517H
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
136.000



WEG5152-51KH
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
168.000



WEV5033-7H
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
283.000



WEG5401-7H
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
100.000



WEG575151H
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn,
loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W
Dimmer for incandescent lamp, Off function type
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
546.000



WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm
Telephone wire chip dia 9mm/16mm
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
10.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

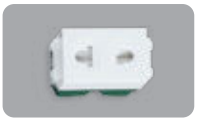

WEV1081SW/ WEV1081-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
37.000



WEV1181SW/ WEV1181-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
64.000



WEV1582SW/ WEV1582-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
93.000



WEV2501SW
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
81.000



WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
81.000



WEV2488SW-CAT5 **176.000**
WEV24886SW-CAT6 **210.000**
Ổ ắm data CAT5/ Ổ ắm data CAT6
Data modular CAT5/ Data modular CAT6
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng



NEW

WEG2021SW
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
710.000



NEW

WEF11821W
Ổ cắm USB/USB Charger
Input: AC220V / Output: 5V - 3A
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
590.000



WEG57912SW
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
710.000



NEW

WEF5791501SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng - Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.300.000
Sản xuất tại Đài Loan



NEW

WEG3032RSW
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
109.000



WEG3020SW
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
10.000



WEV1081H/WEV1081-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
47.000



WEV1181H/WEV1181-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
87.000



WEV1582H/WEV1582-7H
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
127.000



WEV2501H
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói 5 cái/ hộp. 50 cái/thùng
121.000



WEV2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
121.000

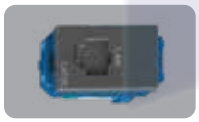

WEV2488H-CAT5 **210.000**
WEV24886H-CAT6 **252.000**
Ổ cắm data
Data modular
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng



NEW

WEG2021H
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
850.000



NEW

WEF11821H
Ổ cắm USB/USB Charger
Input: AC220V/ Output: 5V-3A
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
690.000



WEG57912H
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
810.000



NEW

WEF5791501H-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng - Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.400.000
Sản xuất tại Đài Loan

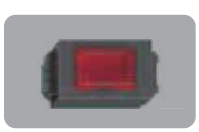

WEG3032RH
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
136.000



WEG3020H
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
14.000



WEV68010SW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
17.000



WEV68020SW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
17.000



WEV68030SW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
17.000



WEV68910SW
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
17.000



WEV680290SW
Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
17.000



WEV7061SW
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng
17.000



WEV7001SW
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng
17.000



WEV68040SW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp,100 cái/thùng
32.000



WEV68060SW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
32.000

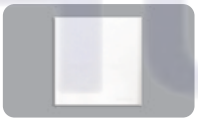

WEV68920SW
Mặt kín đôi
Double cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
32.000



WEV68010MH
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
28.000



WEV68020MH
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
28.000



WEV68030MH
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
28.000



WEV68910MH
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV680290MH
Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV7061MH
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV7001MH
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68040MH
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
47.000



WEV68060MH
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
47.000

: Màu trắng ánh kim (MW)
: Màu đen ánh kim (MB)
: Màu xám ánh kim (MH)



WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A
Flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.000

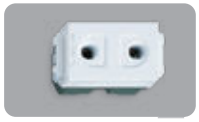

WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A
round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.000

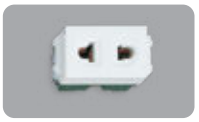

WEV1091SW
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.000



WEGP1041SW-1
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A
1 - gang multiple socket (A type plate)
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
189.000

*Giá bán đã bao gồm VAT



WEV68010MB
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device color plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68020MB
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices color plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68030MB
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices color plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68910MB
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000

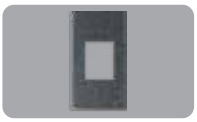

WEV680290MB
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV7061MB
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV7001MB
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68040MB
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
47.000



WEG6806MB/WEV68060MB
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
47.000



WEV68010MW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device color plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68020MW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices color plate
Đóng gói 10cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68030MW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices color plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV68910MW
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEG680290MW/WEV680290MW
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV7061MW
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEV7001MW
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
28.000



WEG6804MW/WEV68040MW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
47.000



WEG6806MW/WEV68060MW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices color plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
47.000

MẶT CÓ NẮP CHE



WEG7901
Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate
1 gang - 1 device IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
228.000



WEG7902
Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate
1 gang - 2 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
228.000



WEG7903
Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa
Weatherproof plate
1 gang - 3 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
228.000



WEG8981/WEG8981K-VN
Mặt có nắp che mưa
Weatherproof plate - IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng
219.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP



WEG6501-1
Dùng cho 1 thiết bị
1 device metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
76.000



WEG6502-1
Dùng cho 2 thiết bị
2 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
76.000



WEG6503-1
Dùng cho 3 thiết bị
3 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
76.000



WEG65029-1
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu
1-gang plate for universal receptale
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
76.000



Refina MÀU



WEG55317MB
Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
43.000



WEG55317MW
Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
43.000



WEG55317MH
Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
43.000



WEG55327MB
Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
76.000



WEG55327MW
Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
76.000



WEG55327MH
Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
76.000

Refina TRẮNG



WEV5531SW/ WEV5531-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
34.000



WEV5521SW/ WEV5521-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
34.000



WEV5511SW/ WEV5511-7SW
(Cắm nhanh, Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A
Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
34.000



WEC5542-7SW
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A
Switch C - 3 ways
Dùng với mặt WEV68030SW
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
142.000



WEV5532SW/ WEV5532-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
62.000



WEV5522SW/ WEV5522-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
62.000



WEV5512SW/ WEV5512-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A
Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
62.000



WEV5533-7SW
(Bắt vít)
Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
272.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES





WEG5001K-031
Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A
Switch B "Make Up Room"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
29.000



WEG5002K-021
Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
Switch C "Do not disturb"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
51.000



WSBC9120SW-VN/WSBC9120W
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver socker build switch
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng
1.490.000



WNBP5428690FK
Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo, 250VAC - 45A
BS Glow switch D double pole
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
450.000



WEB1111SWK/ WEB11119SW-VN
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A
Receptacle - BS standard
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
115.000



WEBP1041SW-P
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
189.000



WEB7811SW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
19.900



WEB7812SW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
19.900



WEB7813SW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
19.900



WEB7811MW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WEB7812MW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WEB7813MW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WBC7010
Thiết bị chuyển tiếp 20A chuẩn BS
134.000

WBC7020
Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng
185.000



WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A
"Make Up Room" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
160.000



WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
"Do not disturb" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
160.000



WBC8981SW
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho công tắc,
có nắp che mưa IP43
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
184.000



WBC8991W
Mặt che mưa chuẩn BS dùng cho ổ cắm,
có nắp che mưa IP43
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
200.000

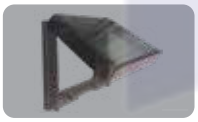

WBG8981 - P
Mặt có nắp che mưa chuẩn BS
Weatherproof plate (BS type plate), IP55
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
215.000



WEBP1041B-MH
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
250.000



WEB7811MH
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WEB7812MH
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WEB7813MH
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WEB7811MB
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000

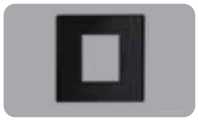

WEB7812MB
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WEB7813MB
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
39.000



WNV5001-7W
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B(1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
12.000



WNG5021W-7
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A
Twin Switch B, single pole
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
92.000



WNV5002-7W
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C(2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
34.000



WNG5003W-7
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 10A
Switch D(2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
109.000



WNG5004W-7
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A
Switch E(4 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
175.000



WN5241W-801
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A
Appellation glow switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
354.000



WNG5051W-751
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
102.000



WNG5052W-751
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
123.000



WNG5343W-761
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng (có chữ)
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
180.000



WBG5414699W
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy lạnh (có chữ)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
180.000



WBG5414699W-SP
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
180.000



WBG5408699W
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 45A
Dùng cho bếp điện, máy nước nóng
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
369.000



WSG3001
Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting switch B, single pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
42.000



WZV7841W
Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
15.500



WZV7842W
Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
15.500



WZV7843W
Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
15.500



WNV1081-7W
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
29.000



WNV1091-7W
Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
25.000



WNG159237W
Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
74.000



WZV1201W
Ổ cắm TV - Television terminal
75 Ohm
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
61.000



WNTG15649W
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
76.000



NRV3160W
Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5
Data modular jack RJ45 - CAT5
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
165.000



WNG5401W-7K
Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
57.000



WKG1092250
Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting duplex universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
53.000



WN3020W
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng
9.900



WN3023W
Lỗ ra dây điện thoại
Telephone wire chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng
9.900



WN10907KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn)
250VAC - 10A, round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
30.000



WN1001-7KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
30.000



WN11017W
Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
57.000



WZV7061W
Mặt góc vuông dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
15.500



WZV7844W
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gang - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
31.000



WZV7846W
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gang - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
31.000

*Giá bán đã bao gồm VAT



BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A TYPE



WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate

800.000



WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate

1.370.000



WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate

2.050.000



WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate

2.750.000



WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate

3.400.000



WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate

4.100.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS TYPE



WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate

670.000



WTFBP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate

1.170.000



WTFBP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type
Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate

1.750.000

MẶT ĐẬY



WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A
1 - gang, 3 - devices

490.000



WTFB6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS
1 gang, 3 devices plate

420.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X



WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal

130.000



WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)

130.000



WEV2488B
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack

260.000

WEG24886B-G
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack

305.000



WEG57912B-1
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
Thời gian đặt hàng 4 tháng

830.000



WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W

630.000



WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shuter 16A - 250V

137.000



WEG57813B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
300W, 220V
Dimmer switch 220VAC 300W

560.000



WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip

17.000

Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 250VAC - 3500W
Extension cord 6 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng
760.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 250VAC - 3500W
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng
999.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 250VAC - 3500W
Extension cord 5 sockets, 3m
Đóng gói 5 cái/thùng
830.000



WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB, 250VAC - 2500W
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng
740.000

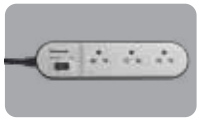

WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 250VAC - 2500W
Extension cord 3 sockets, 3m
Đóng gói 10 cái/thùng
419.000

Loại lắp 3 thiết bị



DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box
1.080.000



DUFS1200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.
1.320.000



DU5900VT
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.
1.200.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x120 x120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box
1.790.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Grounding duplex universal receptacle
860.000

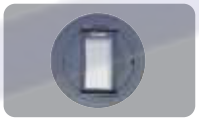

DU8199HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit
795.000

CHUÔNG ĐIỆN



EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888
107.000



EBG888
Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói 10 cái/thùng
184.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/BÁO CHÁY



Sản xuất tại Đài Loan

WTKF24816-VN
Sensor chính - Loại âm trần
8A - 220V
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng đèn sợi đốt 1760W - Bóng đèn LED 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần
1.580.000



Sản xuất tại Đài Loan

WTKG2311/WTKF23113-VN
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi
Chế độ hẹn giờ tắt
10 giây - 30 phút
2.540.000



Sản xuất tại Nhật Bản

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi
980.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Bóng đèn sợi đốt 660W - Bóng đèn huỳnh quang 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux
1.580.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2911-P
Sensor phụ - Loại âm trần
Chỉ kết nối với WTKG2411-P
Không kết nối với đèn
945.000



Sản xuất tại Thái Lan

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Chế độ hẹn giờ 60 giây
Loại âm trần
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút
1.180.000

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ





TB178

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 15A
6 chế độ cài giờ - thời gian cài tối thiểu 30 phút
Không có pin dự trữ
6 operations, minimum setting time is 30 min
W/o battery

620.000



TB35809NE5

SPST Type
220 - 240VAC, 50Hz, 20A
96 chế độ cài giờ - Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Không có pin dự trữ
96 operations, minimum setting time is 15 min
W/o battery

745.000



TB118

SPST Type, 220 - 240VAC, 15A, 6 chế độ cài giờ.
Thời gian cài tối thiểu 30 phút. Có pin dự trữ 300 giờ
6 operations, minimum setting time is 30 min
C/w battery 300 hours

998.000

TB380N2457

Pin dùng cho TB118

199.000



TB38809NE7

SPST Type
220 - 240VAC, 15A
96 chế độ cài giờ
Thời gian cài tối thiểu 15 phút
Có pin dự trữ 300 giờ
96 operations, minimum setting time is 15 min
C/w battery 300 hours

1.150.000

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground — 187.000
WK2320K 250V - 20A - 3P — 220.000
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground — 650.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground — 340.000
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground — 725.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black



WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle
250V - 30A - 3P

510.000



WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground — 160.000
WF2320WK 250V - 20A - 3P — 200.000
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground — 500.000



WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground — 320.000
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground — 640.000
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground — 320.000



WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle
125V - 15A

270.000



WN37008
Đai kim loại
Metal - Frame

14.000



WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground — 115.000
WF6320 250V - 20A - 3P — 189.000
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground — 470.000
Phích cắm locking/Locking Plug



WF6420 250V - 20A - 3P + Ground — 220.000
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground — 500.000
Phích cắm locking/Locking plug



WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P

660.000



WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35.5/45.5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35.5 dia/45.5 dia

97.000



WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless plate

88.000



WN3040K-8
Trạm nối đất
Grounding - terminal

90.000

CÔNG TẮC THẺ



WNH5611-801
- Công tắc thẻ (3 tiếp điểm)
- Tablet switch (3 cicuits)
- 250V - 10A

1.725.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA



ME2592W
Phích cắm 3 chấu
Grounding plug
125V - 15A
Đóng gói 10 cái/hộp

87.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

MCB 01 P C Curve



Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	86.000
BBD1101CNV	10		
BBD1161CNV	16		
BBD1201CNV	20		
BBD1251CNV	25		
BBD1321CNV	32		
BBD1401CNV	40		
BBD1501CNV	50		203.000
BBD1631CNV	63		
BBD108011C/ BBD10801CHV	80	230VAC 10kA	730.000
BBD110011C/ BBD11001CHV	100		800.000

Đóng gói 12 cái/hộp 48 cái/thùng

Đóng gói 8 cái/hộp

MCB 02 P C Curve



Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBD2062CNV	06	240VAC 10kA	247.000
BBD2102CNV	10		
BBD2162CNV	16		
BBD2202CNV	20		
BBD2252CNV	25		
BBD2322CNV	32	415VAC 06kA	
BBD2402CNV	40		
BBD2502CNV	50		409.000
BBD2632CNV	63		
BBD208021C/ BBD20802CHV	80	400VAC 10kA	1.450.000
BBD210021C/ BBD21002CHV	100		1.600.000

Đóng gói 6 cái/hộp 24 cái/thùng

Đóng gói 4 cái/hộp

MCB 03 P C Curve



Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	438.000
BBD3103CNV	10		
BBD3163CNV	16		
BBD3203CNV	20		
BBD3253CNV	25		
BBD3323CNV	32		
BBD3403CNV	40		
BBD3503CNV	50		654.000
BBD3633CNV	63		
BBD308031C/ BBD30803CHV	80	400VAC 10kA	1.940.000
BBD310031C/ BBD31003CHV	100		2.040.000

Đóng gói 4 cái/hộp 16 cái/thùng

Đóng gói 2 cái/hộp

MCB 04 P C Curve



Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	618.000
BBD4204CNV	20		
BBD4254CNV	25		
BBD4324CNV	32		
BBD4404CNV	40		
BBD4504CNV	50		922.000
BBD4634CNV	63		
BBD408041C/ BBD40804CHV	80	400VAC 10kA	3.000.000
BBD410041C/ BBD41004CHV	100		3.200.000

Đóng gói 3 cái/hộp 12 cái/thùng

Đóng gói 2 cái/hộp

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

SPD NEW



Đóng gói 50 cái/thùng

Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (Un)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (Uc)	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (Imax)	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1.5 kV
Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
Đơn giá	2.990.000

* Thay thế thiết bị SPD khi phần hiển thị màu xanh chuyển sang màu đỏ

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ **Bật điện/Tắt điện/Ngắn mạch**

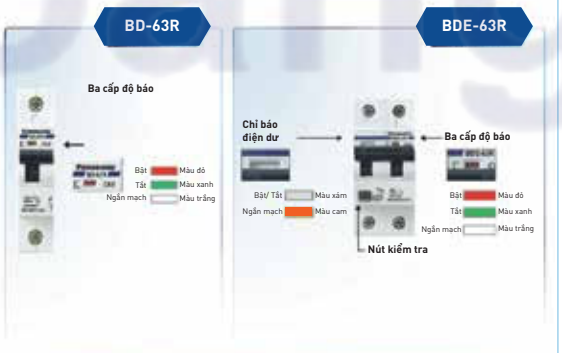

Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

RCBO 2P1E



Đóng gói
6 cái/hộp
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{cu}(kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	587.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25			628.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40			
BBDE25031CNV	50			891.000
BBDE26331CNV	63			

RCBO 4P4E



Đóng gói
4 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{cu}(kA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.500.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50			
BBDE46334CNV	63			1.980.000

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ



Mã số Code	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBDR22530HV	25	30mA-2P	
BBDR23230HV	32		999.000
BBDR24030HV	40		
BBDR26330HV	63		1.200.000

Đóng gói: 5 cái/hộp, 30 cái/thùng



Mã số Code	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Đơn giá Price (VNĐ)
BBDR42530HV	25	30mA-4P	
BBDR43230HV	32		1.600.000
BBDR44030HV	40		
BBDR46330HV	63		2.400.000

Đóng gói: 4 cái/hộp, 16 cái/thùng

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải và ngắn mạch

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Thông số kĩ thuật: Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 240VAC	Đơn giá Price (VNĐ)
	BS11106TV	6	1	82.500
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Đơn giá Price (VNĐ)
 Made in Thailand	BJS1532S1V	15	1.5	30	490.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
 Made in Japan	BJJ23022-8	30	1.5	15	888.000
	BJJ23032-8			30	

BỘ CẦU DAO CHỐNG RÒ 2P0E - EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Đơn giá Price (VNĐ)
 Made in Thailand	BJS3020NA2	30	1.5	15	350.000
	BJS3030NA2			30	
 Made in Japan	BJJ23030-8		2.5	30	755.000

ELCB-EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER-MADE IN JAPAN

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Đơn giá Price (VNĐ)
 Made in Japan	BKW2503Y	50	2.5	30	1.555.000
	BKW2603SKY	60	10		2.300.000
	BKW21003KY	100	25		3.200.000

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER - MADE IN JAPAN

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications				Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 220 VAC	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415 VAC	Số cực	
	BBW240SKY	40	10	2.5	2P	880.000
	BBW250SKY	50				
	BBW260Y	60	5	2.5		940.000
	BBW275SKY	75	50	25	2P	1.720.000
	BBW2100SKY	100				
	BBW310Y	10	2.5	1.5	3P	690.000
	BBW315Y	15				
	BBW320Y	20				
	BBW330Y	30				
	BBW340SKY	40	10	2.5		1.120.000
	BBW350SKY	50				
	BBW360SKY	60				
	BBW375SKY	75	50	25		2.200.000
	BBW3100SKY	100				
	BBW3125SKY	125				2.870.000
	BBW3150SKY	150				3.000.000
	BBW3175KY	175				3.950.000
	BBW3200KY	200				
	BBW3225KY	225				
	BBW3250KY	250				6.300.000
	BBW3400KY	400				8.600.000

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER - IEC 60947-2

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard - Made in Malaysia

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	
	BBC3601YHV	63	10	3P	1.700.000
	BBC3100YHV	100			
	BBC31502YHV	150	25		4.300.000
	BBC32001YHV	200			
	BBC3250YHV	250			4.400.000

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

- Sản xuất tại Nhật Bản/ Made in Japan
- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Phù hợp với tiêu chuẩn Châu Âu EN 60947-2
- Ics = 100% Icu

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications			Đơn giá Price (VNĐ)
		Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	
NEW 	BBC3300YHV	300	36	3P	
	BBC3350YHV	350			10.600.000
	BBC3400YHV	400			
	BBC3500YHV	500			
	BBC3600YHV	600			22.900.000
	BBC3630YHV	630			
	BBC3800YHV	800			46.900.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

	Mã số	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	**NDP104P**	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	**99.000**
	NDP104	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	**115.000**
	**NDP108P**	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	**155.000**
	NDP108	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	**176.000**
	**NDP110**	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	**270.000**
	**NDP114**	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	**330.000**
	**NDP120**	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	**550.000**
	NDP126	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	**790.000**
	**NDP128**	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	**895.000**

*** Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005**

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

** Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007*

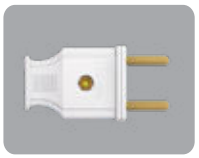

NP10250D
- Phích cắm đơn 10A - 250V
- Chân cắm bằng đồng Ø4mm
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/ thùng

7.500



NS10250A
- Ổ cắm đơn 10A - 250V
- Tiếp điểm bằng đồng
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/ thùng

13.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

An toàn và tiện lợi

- Vỏ bằng nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Dây điện dài 3m, cầu chì bảo vệ quá nhiệt
- Tiếp điểm bằng đồng dẫn điện tốt, độ bền cao
- Công tắc có đèn LED

** Dự kiến có hàng tháng 06/2021*



NES5215-3
- Công suất 15A-220V
- Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc

185.000



NES3332-3
- Công suất 15A-220V
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc

210.000



NES332U-3
- Công suất 15A-220V, USB 2.1A
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc

285.000



NES3320-3
- Công suất 20A-220V
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Dùng cho nồi lẩu, bếp điện

205.000

CÔNG TẮC THẺ



NCS7001
- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

800.000

DIMMER



NDF603F/ NDL603F-Full
NDF603W/ NDL603W-Wide
FDL603FW-Full
FDL603W-Wide
- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500



NDL903F-Full/ NDL903W-Wide
FDL903FW-Full
- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn
- Dimmer for incandescent lamp 220VAC - 1000W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000

CẦU CHÌ



NF101F-Full/ NF101W - Wide
FF102F-Nano-Full/ FF102W-Nano-Wide
- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800

ĐÈN BÁO



N302WF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000



N302GF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000



N302RF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302RW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp,180 cái/thùng)
- Đèn báo màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB



NS80
- Đai sắt dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
- Frame for HB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



NN81
- Đai nhựa dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
- Frame for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

4.000



NHB9801
- Hộp nổi dùng cho HB
- Mounting surface plate for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

8.000



NBD9802
- Hộp nổi dùng cho CB 2 tép
- Mounting surface plate for MCB 2P
- Kích thước: 121x54x69.47mm
- Đóng gói 30 cái/thùng

18.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI



NBD200
- Hộp âm cho CB tép
- Wiring box for MCB
- Kích thước: 115x66x58mm
- Đóng gói 20 cái/thùng

9.000



NA101
- Hộp âm nhựa trắng, đơn
- Wiring box - 1 gang
- Kích thước: 106x64x43mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200



NA102
- Hộp âm đôi
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 109x103x44mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

10.500



NA105
- Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box - BS Standard
- Kích thước: 80x80x42.5mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200

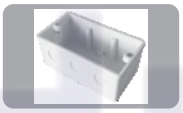

NA106
- Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu (Dùng cho WEB1051W)
- Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
- Kích thước: 135x75.6x58mm
- Đóng gói 40 cái/thùng

18.000



NPCA104
- Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 131x106x42.5mm
- Đóng gói 50 cái/thùng

10.500



NN101F/ NN101W-Wide
- Hộp nổi đơn
- Surface box
- Kích thước: 120x70x35mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

10.500

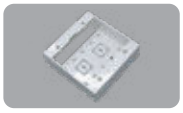

NN102F-Full/ NN102W-Wide
- Hộp nổi đôi
- Duplex surface box
- Kích thước: 120x115x35mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

16.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nổi, hộp nối dây đều có kèm vít

HỘP NỐI DÂY



NPA10050V
- Hộp nối dây 100x100x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

22.000



NPA12050V
- Hộp nối dây 120x120x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

27.000



NPA15055V
- Hộp nối dây 150x150x55mm
- Wiring box
- Đóng gói 20 cái/thùng

39.000

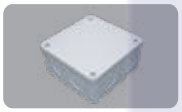

NPA20065V
- Hộp nối dây 200x200x65mm
- Wiring box
- Đóng gói 10 cái/thùng

68.000



NPA103V
- Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
- Round junction box
- Đóng gói 60 cái/thùng

12.000

MẶT THIẾT BỊ



NBD101W
- Mặt dùng cho 1 CB tép
- Plate for 1p MCB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

15.500



NB9601
- Nắp kín đơn
- Wiring box lid - 1 gang
- Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602
- Nắp kín đôi
- Wiring box lid - 2 gangs
- Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N
- Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box lid - BS Standard
- Đóng gói 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000



DÂY CÁP MẠNG

DÂY UTP

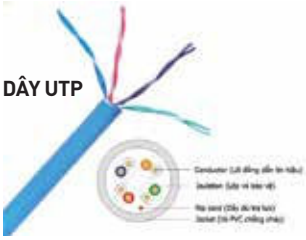

DÂY FTP

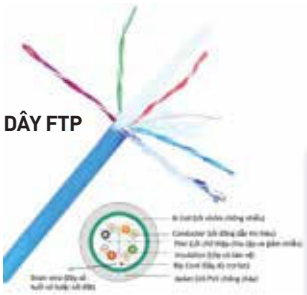

DÂY FTP CÓ DẦU

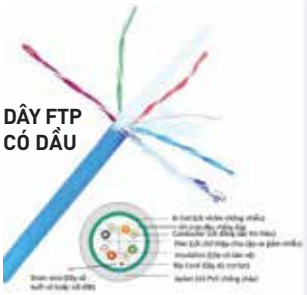

Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây dù trợ lực	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu trắng**	0.51 CCA	PE 0.91	Có	PVC 5.1	770.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.51 CCA	PE 1.00	Có	PVC 5.1	970.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305 m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	2.750.000
NC5E-F100P	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 24 AWG - Pass fluke test** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xám** **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.250.000
NC5E-F100 O	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, **có dầu, 100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh /trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.150.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.56 mm 4 Pairs **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu trắng**	0.56 CCA	PE 1.02	Có	PVC 6	1.050.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.56 mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.56 CCA	PE 1.00	Có	PVC 6.6	1.350.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	3.550.000
NC6-F100P	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 23 AWG - Pass fluke test** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xám** **Đặt hàng khi có yêu cầu	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.000.000
NC6-F100 O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **Có dầu - 100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh /trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.000.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỤC

Không dầu



Có dầu

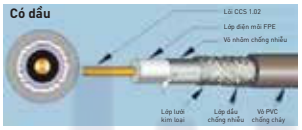

Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	680.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	800.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - **có dầu** Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag	PVC 6.9	1.000.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BÁO CHÁY



Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi đồng (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Vỏ PVC chống cháy (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	0.5 CCA	PVC	PVC	480.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

Made in Taiwan



FKPT10	10YDS	**68.000/cây**
FKPT20	20YDS	**118.000/cây**

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

BK W Y R G B



ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010
IEC61386_1:2008
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 + A11:2010



Ống luồn dây điện dạng tròn

Mã số	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
FPC16L	Ø16	1.2 ± 0.1	320	50	19.000
FPC20L	Ø20	1.45 ± 0.1	320	50	25.000
FPC25L	Ø25	1.55 ± 0.1	320	25	36.000
FPC32L	Ø32	1.8 ± 0.1	320	20	57.000
FPC16	Ø16	1.4 ± 0.1	750	50	21.000
FPC20	Ø20	1.55 ± 0.1	750	50	28.000
FPC25	Ø25	1.65 ± 0.1	750	25	40.000
FPC32	Ø32	2.0 ± 0.1	750	20	62.000
FPC16H	Ø16	1.6 ± 0.1	1250	50	26.500
FPC20H	Ø20	1.9 ± 0.1	1250	50	35.000
FPC25H	Ø25	2.0 ± 0.1	1250	25	50.000
FPC32H	Ø32	2.2 ± 0.1	1250	20	95.000
FPC40H	Ø40	2.4 ± 0.1	1250	10	125.000
FPC50H	Ø50	2.7 ± 0.1	1250	10	165.000

Ghi chú: Chiều dài 2.92m/cây.

Nẹp luồn dây điện dạng vuông (Sản phẩm đạt tiêu chuẩn IEC61084-2-1:1996)

Mã số	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0.7 ± 0.1	1.7	50	8.600
NNV1720	20x10	0.7 ± 0.1	1.7	50	10.800
NNV1725	25x14	0.9 ± 0.1	1.7	50	16.500
NNV1730	30x16	1.0 ± 0.1	1.7	50	20.000
NNV1740	40x18	1.2 ± 0.1	1.7	25	31.000
NNV1750	50x35	1.4 ± 0.1	1.7	10	66.000
NNV1760 NEW	60x40	1.5 ± 0.1	1.7	6	84.000
NNV1780 NEW	80x60	1.7 ± 0.1	1.7	6	136.000
NNV17100 NEW	100x60	1.8 ± 0.1	1.7	6	199.000
NNV2015	15x9	0.7 ± 0.1	2.0	50	10.000
NNV2020	20x10	0.7 ± 0.1	2.0	50	12.800
NNV2025	25x14	0.9 ± 0.1	2.0	50	19.800
NNV2030	30x16	1.0 ± 0.1	2.0	50	23.600
NNV2040	40x18	1.2 ± 0.1	2.0	25	36.300
NNV2050	50x35	1.4 ± 0.1	2.0	10	79.000
NNV2060 NEW	60x40	1.5 ± 0.1	2.0	6	99.000
NNV2080 NEW	80x60	1.7 ± 0.1	2.0	6	157.000
NNV20100 NEW	100x60	1.8 ± 0.1	2.0	6	236.000

Nắp đậy hộp nối tròn



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1,500 cái/thùng	2.000



NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.300

Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010



	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
PVC	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	150.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	205.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	225.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	260.000



PVC	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	180.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	255.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	275.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	270.000



NEW HDPE	FRG16PE	16mm (50m/cuộn)	175.000
	FRG20PE	20mm (50m/cuộn)	250.000
	FRG25PE	25mm (40m/cuộn)	265.000
	FRG32PE	32mm (25m/cuộn)	285.000

** Dự kiến có hàng tháng 5/2021*

Khớp nối trơn



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói 100 cái/thùng, *từ lô sản xuất T4/2021*	800
NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.100
NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.800
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.300
FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	8.700
FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	12.000

Đầu và khớp nối ren



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1,200 cái/thùng	3.100
NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1,000 cái/thùng	3.300
NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	3.800
NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.000

Kẹp đỡ ống



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao 3,000 cái/thùng	900
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao 3,000 cái/thùng	1.100
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao 2,000 cái/thùng	1.900
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.800
FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	4.700

*Giá bán đã bao gồm VAT

T nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16. Đóng gói: 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	1.900
NPA0420	T nối cho ống Ø20. Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.700
NPA0425	T nối cho ống Ø25. Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.500
NPA0432	T nối cho ống Ø32. Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	7.700
FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	13.500
FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	16.000

T nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	9.000
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	14.000
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	17.000

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	6.600
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.200
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	7.700
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	6.600
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.200
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	7.700
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.000

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	6.600
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.200
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	7.700
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.000

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	6.600
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.200
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	7.700
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.000

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	6.600
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.200
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	7.700
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32 Đóng gói 30 cái/thùng	10.000

Co nối



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.400
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.200
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.300
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.500
FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	12.000
FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	16.500

Co nối có nắp



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	5.500
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	9.700
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	15.000

Đầu nối ống mềm PVC



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	11.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	15.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	22.000
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	35.000

Đầu giảm



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói 100 cái/bao	1.600
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói 100 cái/bao	2.400
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói 50 cái/bao	3.900
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói 40 cái/bao	7.700
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói 30 cái/bao	9.700

Lò xo uốn ống



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXUO16M/M2 FLXUO16L/L2	Lò xo uốn ống Ø16 Lò xo uốn ống Ø16	50.000
FLXUO20M2 FLXUO20L/L2	Lò xo uốn ống Ø20 Lò xo uốn ống Ø20	75.000
FLXUO25M2 FLXUO25L/L2	Lò xo uốn ống Ø25 Lò xo uốn ống Ø25	87.000
FLXUO32M/M2 FLXUO32L/L2	Lò xo uốn ống Ø32 Lò xo uốn ống Ø32	130.000

**Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N*

Kẹp ống không đế Omega - Đóng gói 100 cái/bao



Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NDI16012	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø20	3.000
NDI16034	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø25	3.500
NDI16100	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø32	5.000
NDI16114	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø40	6.500
NDI16112	Kẹp ống không đế IMC dùng cho Ø50	8.000

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Connection to the future

Made in Austria

Dãy điện áp hoạt động	Mã màu sản phẩm
20 - 25V	Tím
40 - 50V	Trắng
100 - 130V	Vàng
200 - 250V	Xanh dương
380 - 480V	Đỏ
500 - 1000V	Đen
>50V (100 - 500Hz)	Xanh lá
Không thuộc những dãy điện áp trên	Xám

Phích cắm cao su di động không kín nước
Plug (Splashproof)



F0511 - S
- Rubber plug (Splashproof) phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP44

81.000



F0511 - SR
- Rubber plug (Splashproof) phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP54

81.000



F0512 - S
- Solid rubber plug (Splashproof) phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP44, chịu va đập

113.000



F0512 - SR
- Solid rubber plug (Splashproof) phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP54, chịu va đập

113.000



F2510 - S
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP20

82.000



F2510 - SR
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP20

82.000



F1050 - 0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



F105 - 0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54



68.000



F106 - 0
- Mouting box (Splashproof IP44)
- Đế nổi cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44)
Mutiple-socket outlet (Splashproof IP44)



F9432006
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000



F9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000



F9430401
Bộ chia ổ cắm PCE
16A 3P 230V

1.000.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67)
Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



F61132 - 6
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.600.000

F61252 - 6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.790.000



F75252-6
32A -5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)
Plug (Splashproof IP44)



F013 - 6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000



F014 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	100.000
F015 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	112.000
F023 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	125.000
F024 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	132.000
F025 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	165.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44)
Connector (Splashproof IP44)



F213 - 6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000



F214 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	125.000
F215 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	155.000
F223 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	152.000
F224 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	175.000
F225 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	222.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44)
Wall socket (Splashproof IP44)



F113 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	135.000
F114 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
F115 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	175.000
F123 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	187.000
F124 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	197.000
F125 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	211.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (Splashproof IP44)



F313 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	140.000
F314 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	156.000
F315 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	165.000
F323 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	175.000
F324 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
F325 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	207.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



F413 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	157.000
F414 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	185.000

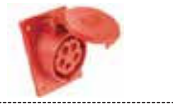

F415 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	206.000
F423 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	245.000
F424 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	270.000
F425 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	295.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)



F0132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	265.000
F0142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	280.000
F0152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
F0232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
F0242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	345.000
F0252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	365.000



F033 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	740.000
F034 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	760.000
F035 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	785.000
F043 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.420.000
F044 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.670.000
F045 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.910.000



F0822 - 10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	282.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)



F2132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
F2142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	310.000
F2152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000
F2232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	400.000
F2242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	410.000
F2252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	445.000



F233 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	890.000
F234 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	910.000
F235 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	930.000
F243 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.950.000
F244 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.060.000
F245 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.210.000



F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	353.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)



F1132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	407.000
F1142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
F1152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	515.000
F1232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	550.000
F1242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	590.000
F1252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	625.000



F133 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	980.000
F134 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.080.000
F135 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.180.000



F143 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.400.000
F144 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.550.000
F145 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.700.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)



F3132 - 6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	325.000
F3142 - 6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	375.000
F3152 - 6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	400.000
F3232 - 6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
F3242 - 6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	430.000
F3252 - 6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000



F333 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	590.000
F334 - 6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
F335 - 6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
F343 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - I P66/67	1.570.000
F344 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.680.000
F345 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.780.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)



F4132 - 6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
F4142 - 6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
F4152 - 6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	275.000
F4232 - 6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
F4252 - 6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	450.000



F433 - 6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
F433 - 6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	620.000
F434 - 6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	665.000
F435 - 6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	710.000
F443 - 6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.520.000
F444 - 6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.670.000
F445 - 6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.860.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket
(Watertight IP67)



F0242 - 3V
Phích cắm - Plug
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 272.000



F1242 - 3V
Ổ cắm nổi - Wall socket
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 795.000



F2242 - 3V
Ổ cắm nổi - Connector
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 390.000



F3242 - 3V
Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng
Flanged socket straight
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — 460.000

Bộ tủ điện phân phối



NDB313-232
Tủ điện phân phối IP44
1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp
3 ổ cắm 3P 16A PCE
Kích thước: 200x200x65mm
Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng
875.000



NDB313
Tủ điện phân phối IP44
3 ổ cắm 3P 16A PCE
Kích thước: 200x200x65mm
590.000

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY**
làm đế **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**
NPA20065V
(*) Tham khảo thêm
các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 17

nanoco Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)



NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	240.000
NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	250.000
NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	285.000
NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	300.000
NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	300.000
NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	310.000
NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	355.000
NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	370.000
NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	345.000
NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	360.000
NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	400.000
NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	420.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-15TGU1	10	240	35	15	21.7	790.000
FV-20CUT1	23	438	40.5	27	27	890.000
FV-25TGU5	26.5	612	39	38	31.5	990.000

QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ (cm)	
FV-10BAT1	15	80	40	16x21	1.980.000

Sử dụng cho nhà tắm



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước khoét lỗ tròn (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGS1	5.5	75	35	12	20	770.000
FV-15EGS1	6.2	150	36	16.5	24	930.000

Sử dụng cho nhà tắm, có lưới chắn côn trùng , kháng nước IPX4



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước khoét lỗ tròn (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGF1	5.5	75	31	13.5	10	950.000
FV-15EGF1	6.2	155	33	18	10	1.190.000

Quạt hút dùng riêng cho nhà bếp



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25AUF1	34	835	42	30	1.510.000

- Nắp dậy dạng lưới bằng nhôm không dính nước
(Dầu sẽ đọng lại thành từng hạt và rơi vào khay chứa dầu)
- Dễ lau sạch bụi bẩn, bảo trì dễ dàng và có khay trữ dầu thể tích lớn
- Có kim chỉ mức dầu

Ốp vách kính



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước khoét lỗ tròn (cm)	Chiều sâu lỗ kính (mm)	
FV-15WU4	8	210	35	18	3-7	940.000
FV-20WU4	16	360	32	24	3-7	1.210.000

- Đường kính lỗ kính 17.7cm /23.8 cm

Chức năng thông gió và sưởi ấm



FV - 27BV1 — 5.990.000
- Kích thước lắp đặt 270x 270mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Điều khiển bằng công tắc

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,300	150	46
Thông gió	21		42

Chức năng thông gió, sưởi ấm, có remote



FV-30BG3 — 10.400.000
- Kích thước lắp đặt 300x 300mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,500	170	46
Thông gió	28		39

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL	12.5	255	36	16	20	980.000



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20AL9	20	546	40	34	25	1.000.000
FV - 25AL9	27	835	43	52	30	1.105.000
FV - 30AL7	31	930	43	58	35	2.220.000

Loại 2 chiều - Có màn che



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20RL7	20	546	39	34	25	1.600.000
FV - 25RL7	29	840	43	54	30	1.960.000
FV - 30RL6	31	990	44	61	35	2.300.000

Loại 1 chiều - Không có màn che



Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV - 20AU9	20	580	38	36	25	800.000
FV - 25AU9	27	920	39	57	30	905.000
FV - 30AU9	31	1,150	39	74	35	1.470.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP



FV - 25GS4	39	1,100	34	27.5	4.450.000
FV - 30GS4	59	1,800	38	32.5	6.150.000
FV - 35GS4	88	2,670	44	39.5	7.550.000
FV - 40GS4	161	3,780	47	44.5	9.600.000
FV - 45GS4 Made in Japan	227	5,400	51	50	15.700.000

*(*) Tham khảo thêm dòng **Quạt hút Cabinet** (trang 18) độ ồn thấp, sử dụng cho văn phòng.*

Thiết bị phát Ion - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng Nanoe-X



nanoeX Công nghệ NanoeX — Khử mùi — Kháng khuẩn/ ngừa virus

6.900.000

Model	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích sử dụng (m2)	Kích thước chừa lỗ (mm)
FV-15CSD1	4	15	23.5	20	150

Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

Động cơ DC — Lọc bụi mịn PM 2.5



FV-01NAP1 — 12.500.000
- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Cao	10	133	26
Thấp	3	42	20

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc,...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu cho phòng ngủ vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp: 20 dB
- Động cơ DC tiết kiệm điện lên tới 35%
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000 giờ
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- 3 cấp độ lưu lượng gió phù hợp với yêu cầu thông thoáng khí và độ ẩm từng mùa

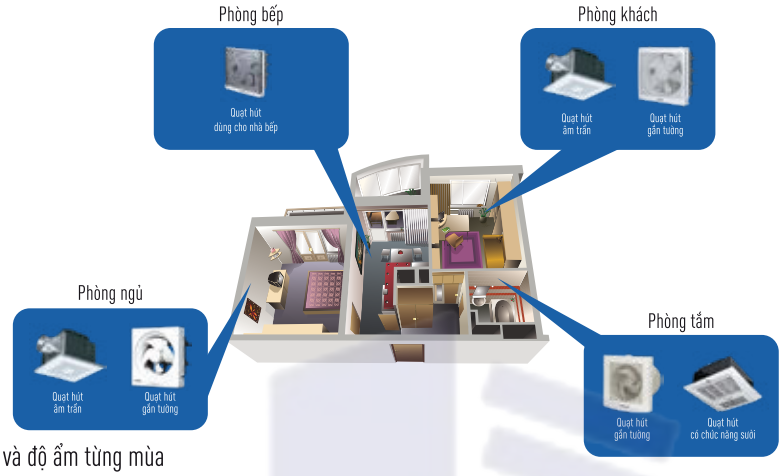

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-17CU8	7.5	85	23	5	17.7	2.305.000
FV-24CU8	10.5	140	25	9	24	2.860.000
FV-24CD8	13.5	170	28.5	11	24	2.950.000
FV-24CH8	16.5	200	32	12	24	3.095.000





Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ

FV-27CH9	23 (Low) / 28 (Hi)	260 (Low) / 330 (Hi)	30 / 34	20	27	4.550.000
FV-32CD9	32 (Low) / 42 (Hi)	300 (Low) / 430 (Hi)	28 / 36	27	32	6.100.000
FV-32CH9	45 (Low) / 55 (Hi)	400 (Low) / 530 (Hi)	34 / 41	33	32	6.650.000
FV-38CD8	66 (Low) / 90 (Hi)	430 (Low) / 640 (Hi)	35 / 44	40	38.5	8.300.000
FV-38CH8	89 (Low) / 122 (Hi)	525 (Low) / 800 (Hi)	40 / 50	49	38.5	9.000.000



Sensor

Dòng quạt hút có sensor

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Diện tích đề xuất (m²)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ						
FV-24CUR1	11	140	25	9	24	4.100.000
FV-24CHR1	17	200	32	12	24	4.300.000
Sensor chuyển động						
FV-24CURV1	11	140	25	9	24	5.500.000
FV-24CHRV1	17	200	32	12	24	5.700.000
Sensor chuyển động & độ ẩm						



Sensor hồng ngoại tự động điều chỉnh tốc độ gió

Động cơ DC

Dòng quạt hút có sensor
Động cơ DC, vận hành cực êm, dùng với ống dẫn Ø100mm

FV-24JR2	3.6 / 5.2 / 8	80 / 120 / 160	20 / 26 / 31	10	24	5.000.000

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

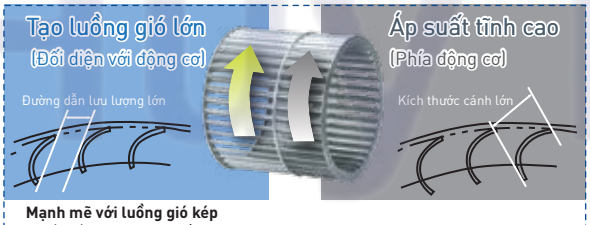

Mạnh mẽ với luồng gió kép
Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.





Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã số	Cấp độ	W	CMH	dB	S (m²)	D (mm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	11	Ø100	3.100.000
	Low	17	145	17			
FV-15NS3	Hi	33	340	25	21	Ø150	4.100.000
	Low	29.5	275	22			
FV-18NS3	Hi	60	500	29	31	Ø150	4.900.000
	Low	55	405	27			
FV-18NF3	Hi	91	770	31	48	Ø200	5.990.000
	Low	80	620	29			
FV-20NS3	Hi	120	920	32	57	Ø200	7.400.000
	Low	113	720	29			
FV-23NL3	Hi	230	1200	40	74	Ø200	8.990.000
	Low	170	900	34			
FV-25NS3	Hi	345	1700	41	105	Ø250	11.900.000
	Low	265	1380	38			
FV-25NF3	Hi	390	1900	43	117	Ø250	13.600.000
	Low	325	1600	40			
FV-28NX3 (3 pha - 1 cấp độ)		600	2600	44		Ø250	19.900.000



*Giá bán đã bao gồm VAT



QUẠT HÚT TREO TƯỜNG 1 CHIỀU



NWV1520
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 4.2 m^3/phút
- Kích thước lỗ khoét: 200x200mm

570.000



NWV2020
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 9.5m^3/phút
- Kích thước lỗ khoét: 250x250mm

620.000



NWV2520
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 31W
- Đường kính cánh: 25cm
- Lưu lượng gió: 14.8m^3/phút
- Kích thước lỗ khoét: 300x300mm

670.000



QUẠT HÚT ÂM TRẦN KHÔNG CÓ ỐNG DẪN



NCV1520
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 4.2 m^3/phút
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm

520.000



NCV2020
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 9.5m^3/phút
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm

570.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN CÓ ỐNG DẪN



NCV1520-C
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 1.5 m^3/phút
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Kích thước ống dẫn: Ø100mm

550.000



NCV2020-C
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 18W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 3.2m^3/phút
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Kích thước ống dẫn: Ø125mm

600.000

CÔNG NGHỆ NANOE ™

KHÁNG KHUẨN/NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% VI KHUẨN (E Coli O 157, MRSA.H)



Bao vây virus và vi khuẩn | Vô hiệu hoá virus và vi khuẩn

KHỬ MÙI

- Giảm 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi | Phân rã và loại bỏ mùi

GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Tiết kiệm điện 50% (*1)

So sánh với chế độ tự động

TẤM LỌC KHÍ

Tấm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tấm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong trà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano

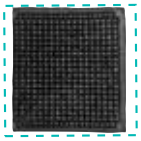

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI



F-GPT01A-K (Màu đen)
F-GPT01A-R (Màu đỏ)

- Lưu lượng gió: 0.07 m³/ phút
- Phạm vi sử dụng: 3m³
- Độ ồn (MSK): 36dB
- Công suất: 3.5W
- Dây cáp sạc: Micro USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1.5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66xØ90xH170 mm
- Khối lượng: 0.4 kg

4.050.000

LƯU Ý

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: Phòng tắm,...)
- Điều kiện để phát nanoe™X:

- Nhiệt độ phòng: khoảng 5 - 40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn)
- Độ ẩm: Khoảng 30 - 85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa)



F-VXK70A
14.500.000



F-PXM55A
12.500.000



F-PXT50A
9.950.000



F-PXL45A
10.650.000



F-PXM35A
6.600.000



F-PXJ30A
4.300.000



F-P15EHA
3.500.000

Thông số kỹ thuật	F-VXK70A	F-PXM55A	F-PXT50A	F-PXL45A	F-PXM35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m³/min) - hi	6.7	5.3	5	4.5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	49	29	42	20	30	24
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	52	47	52	44	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m²)]	52	42	36	33	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe™	nanoe™	nanoe™	nanoe™	nanoe™	nanoe™	–
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	–	HEPA
- Hút gió 3 chiều	●	●	●	●	●	●	●
- Cảm biến sensor	Bụi và Mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Bụi và mùi Ánh sáng	Mùi	Mùi	–
- Đo mức độ ô nhiễm	●	●	●	●	●	●	●
- Đèn báo PM2.5	●	●	●	●	–	–	–
- Chế độ tự động	●	●	●	●	●	●	●
- Chế độ Turbor	●	●	–	●	●	●	●
- Chế độ ngủ [8 giờ]	●	●	–	●	●	●	●
- Chế độ báo thay bộ lọc	●	●	●	●	●	●	●
- Chế độ khóa trẻ em	●	●	–	●	–	–	●
- Kích thước (C x R x S) [mm]	636x398x265	580x300x205	550x340x208	516x404x235	520x300x189	540x311x210	310x385x152
- Chế độ Econavi	●	●	–	●	–	–	–
- Điều khiển bằng remote	–	–	–	●	–	–	–
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	10 năm	10 năm	4 năm	3 năm	3 năm	2 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp] [Khử mùi]	1.700.000 800.000	1.690.000 750.000	2.400.000 *Hỗn hợp + khử mùi*	1.350.000 800.000	1.100.000 600.000	750.000 500.000	1.150.000 *Hỗn hợp + khử mùi*

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần.
Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC)

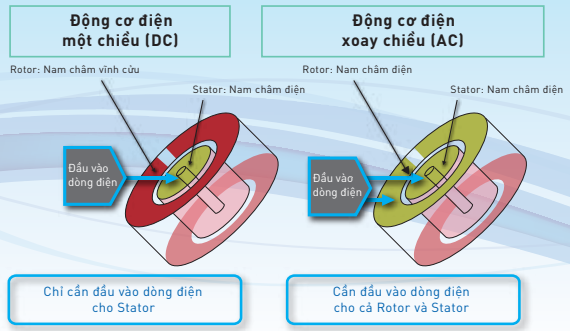

Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.

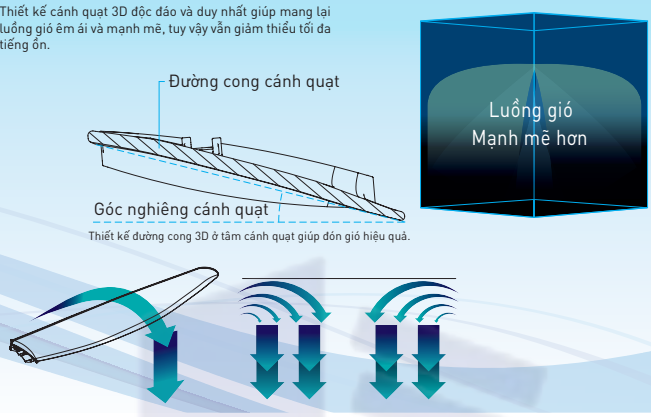

Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

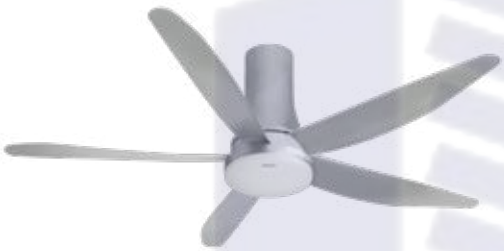

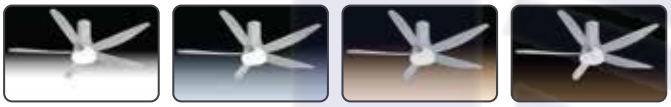

Ánh sáng trắng | Ánh sáng ban ngày | Ánh sáng vàng | Ánh sáng vàng dịu

DC Motor ENERGY SAVING | LED



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm
Đèn LED có 4 chế độ sáng

F-60UFN

- Công suất 59W (motor: 37W, đèn: 22W)
- Động cơ DC tiết kiệm điện
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

12.130.000



DC Motor ENERGY SAVING | INTELLIGENT ECO SENSORS ECONAVI



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

F-60TAN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.130.000

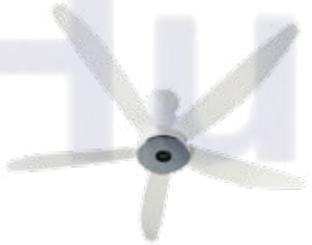

DC Motor ENERGY SAVING



Đường kính cánh 150cm
Chiều dài ti 28.8cm

F-60XDN (Màu đen)
F-60XDN-W (Màu trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.820.000



DC Motor ENERGY SAVING



Đường kính cánh 150cm

F-60TDN (Chiều dài ti:28.8cm)
F-60TDN-S (Chiều dài ti:21cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.770.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi giông sét.



Đường kính cánh 180 cm

F-70ZBP (Chiều dài ti:40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

16.800.000



Đường kính cánh 200 cm

F-80ZBR (Chiều dài ti:40cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

18.400.000



Đường kính cánh 150 cm

F-60WWK (Chiều dài ti:31.8cm)
F-60WWK-S (Chiều dài ti:22.5cm)

- Công suất 76W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên 1/f Yuragi
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 7 cấp độ gió, lưu lượng gió 220m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

6.770.000



Đường kính cánh 140 cm
Chiều dài ti 29.2 cm

F-56XPG (Màu đen)
F-56XPG-W (Màu trắng)

- Dây an toàn
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 191m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.520.000



Đường kính cánh 140 cm
Chiều dài ti 31.7 cm

F-56MPG-GO (Màu vàng ánh kim)
F-56MPG-S (Màu bạc)

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.170.000



Đường kính cánh 140 cm

F-56MZG-GO Màu vàng ánh kim, chiều dài ti 40 cm
F-56MZG-GOS Màu vàng ánh kim, chiều dài ti 23 cm
F-56MZG-S Màu bạc, chiều dài ti 40 cm
F-56MZG-SS Màu bạc, chiều dài ti 23 cm

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, công suất 59W
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 180m³/phút
- Có điều khiển từ xa

3.170.000



Màu trắng viền vàng
Đường kính cánh 150 cm
Hộp số loại nổi

F-60MZ2-MS Màu trắng, chiều dài ti 9 inch (22.8 cm)
F-60MZ2-S Màu trắng, chiều dài ti 12 inch (30.4 cm)
F-60MZ2 Màu trắng, chiều dài ti 18 inch (45.7 cm)
F-60MZ2-L Màu trắng, chiều dài ti 22 inch (55.8 cm)

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút

1.480.000



Đường kính cánh 150 cm
Hộp số loại nổi

F-60MZ2-KMS Màu đen, chiều dài ti 9 inch (22.8 cm)
F-60MZ2-KS Màu đen, chiều dài ti 12 inch (30.4 cm)
F-60MZ2-K Màu đen, chiều dài ti 18 inch (45.7 cm)
F-60MZ2-KL Màu đen, chiều dài ti 22 inch (55.8 cm)

- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, công suất 66W
- Lưu lượng gió 215m³/phút

1.480.000



Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 14 cm

F-48CZL

- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 3 cấp độ gió, công suất 55W
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Lưu lượng gió 160m³/phút
- Có 3 chế độ hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Có điều khiển từ xa

4.390.000



Đường kính cánh 140 cm
Hộp số loại nổi

** Dự kiến có hàng tháng 04/2021*

F-56NCL Màu đồng cổ điển, chiều dài ti 18inch (45.7cm)
F-56NCL-S Màu đồng cổ điển, chiều dài ti 12inch (30.4cm)

- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, công suất 70W
- Lưu lượng gió 220 m³/ phút

2.100.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi giông sét.

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



F-409KB (Màu xanh)
F-409KBE (Màu beige)
F-409KMR (Màu đỏ)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 128cm - 143cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

3.750.000



F-407WGO (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Chiều cao quạt 134 - 157cm
- Công suất 53.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.060.000



F-308NHB (Màu xanh)
F-308NHP (Màu hồng)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 91cm - 105cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 40m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

3.720.000



F-307KHB (Màu xanh)
F-307KHS (Màu bạc)

- Đường kính cánh 30cm
- Chiều cao quạt 66 - 85cm
- Công suất 37W
- Lưu lượng gió 50.7m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1 - 2 - 4 giờ
- Có remote

2.600.000

QUẠT BÀN - Desk fan



F-400CB (Màu xanh)
F-400CI (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 48W
- Lưu lượng gió 75m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.420.000

QUẠT ĐẢO - Cycle fan



F-409QB (Màu xanh)
F-409QGO (Màu vàng)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 45W
- Lưu lượng gió 79m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.000.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



Thiết kế AN TOÀN

Lưu lượng gió 100M³/PHÚT

Vận hành êm ái KHÔNG GÂY TIẾNG ỒN



F-50YUZ (Màu đen)

- Đường kính quạt 50cm
- Công suất 53 ~ 63W
- Lưu lượng gió 100m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.080.000



F-409MB (Màu xanh)
F-409MG (Màu trắng ngà)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 51W
- Lưu lượng gió 77.5m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1 - 3 - 6 giờ
- Có remote

2.640.000



F-409UB (Màu xanh)
F-409UGO (Màu vàng kim)

- Đường kính quạt 40cm
- Công suất 47.5W
- Lưu lượng gió 76m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.130.000

QUẠT ĐẢO - Cycle Fan



NOF1603G-RC (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 88.6m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Chức năng hẹn giờ
- Có remote

900.000



NOF1609 (Màu xám trắng)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 68.5m³/min
- Motor dây đồng
- 3 cấp độ gió

640.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



NWF1604G (Màu xám)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 66.9m³/min
- Motor dây đồng
- 3 cấp độ gió

560.000



NWF1606 (Màu đen cam)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 60.1m³/min
- Motor dây đồng
- 3 cấp độ gió

590.000

QUẠT ĐỨNG - Stand Fan

Quạt đứng cơ



NSF1601G (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 88.6m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

780.000

Quạt đứng cơ có remote



NSF1602G-RC (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 40cm
- Công suất 47W
- Lưu lượng gió 88.6m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Chức năng hẹn giờ
- Có remote

1.100.000

QUẠT BÀN



NTF1207G (Màu xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh 30cm
- Công suất 40W
- Lưu lượng gió 37.5m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

580.000

QUẠT SẠC GẤP GỌN - Rechargeable Fan



NFF1617W (Màu trắng)
NFF1617P (Màu hồng)

- Quạt có thể gấp gọn
- Chất liệu hợp kim nhôm và nhựa ABS
- Kích thước xếp (mm): 197 x 197 x 93
- Kích thước mở (mm): 197 x 197 x 975
- Nguồn điện 5V - Pin 3.7V 7200 mAh
- Thời gian sử dụng: 5 - 24 tiếng *(Tùy vào điều kiện sử dụng)*
- Độ ồn: 30 - 40 dBA

820.000

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25ºC, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20ºC

MADE IN MALAYSIA

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RL2VH

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

2.990.000



DH-4RL1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn
- 1 nút vặn xoay để bật tắt
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.300.000



DH-4MS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.600.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NS3VW

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.900.000



DH-4NS3VS

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.100.000



MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" và 9 tính năng an toàn

Dòng tiêu chuẩn



DH-3RP2VK

- Công suất: 3.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

4.990.000



DH-4RP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn
- Bơm bảo hành 5 năm
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.200.000



DH-4MP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05(kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.500.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp



DH-4NP1VW

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.800.000



DH-4NP1VS

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC**
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

6.000.000



DH-4NTP1VM

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm
- Thiết kế mới với vỏ cong thanh lịch, sang trọng
- **Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen**
- Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC
- Vòi sen 3 kiểu phun với ion Ag+ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.900.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP








Mã sản phẩm		DH-15HBMVW	DH-20HBMVW	DH-30HBMVW
		4.290.000	4.490.000	4.990.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30
	Điện vào (V)	220	220	220
	Công suất (kW)	2.5	2.5	2.5
	Áp lực nước (tối đa) (Mpa)	0.75	0.75	0.75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75
	Thời gian đun sôi (xấp xỉ) (phút)	30	40	60
Thân máy	Màu	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo đang đun nước	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10
	Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	323x437x310	323x526x310	323x704x310
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật
	Thanh đốt	Đồng	Đồng	Đồng
	Chống nước	•	•	•
	Vật liệu cách điện	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam
	Đầu nước vào - đầu nước ra	Đồng	Đồng	Đồng
An toàn	Tích hợp sẵn ELB chống giật	•	•	•
	Tự động ngắt nhiệt	•	•	•
	Ruột bình bằng thép không gỉ	•	•	•
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4	IPX4	IPX4
	Cấu trúc cách điện	•	•	•
	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•	•	•
Xuất xứ		Malaysia	Malaysia	Malaysia

*Khuyến cáo lắp đặt: Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer


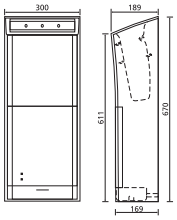

FJ - T10T1

- Giúp sấy khô nhanh trong 3 - 5 giây với chức năng sấy từ 2 mặt bên và 4 vòi phun
- Công suất 1250W
- Thiết kế sang trọng, hiện đại với màn lọc chống dị ứng và lớp vỏ ngoài kháng khuẩn
- Chế độ gió thường và gió nóng
- Có thể chọn tốc độ gió cao và thấp (High/Low), độ ồn 59dB
- Máy sẽ tự động tắt sau 30 giây hoạt động liên tục
- Đèn LED tín hiệu
- Tiết kiệm điện hiệu quả

19.500.000

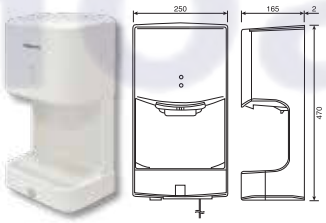

FJ - T09A3 (Có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.050.000

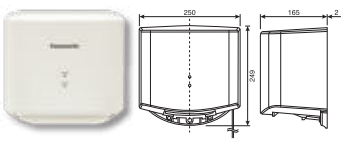

FJ - T09B3 (Không có khay nước)

- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 120m/phút
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

5.990.000

MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP-129JXK-SV5 — 1.500.000
(Dây điện 12.5cm)
GP-129JXK-NV5 — 1.520.000
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m



GP-200JXK-SV5 — 1.910.000
(Dây điện 12.5cm)
GP-200JXK-NV5 — 1.930.000
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng



GP-250JXK-SV5 — 3.030.000
(Dây điện 20cm)
GP-250JXK-NV5 — 3.050.000
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng



GP-350JA-SV5 — 4.490.000
(Dây điện 30cm)
GP-350JA-NV5 — 4.510.000
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 350W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 45m
- Mô tơ dây đồng

Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm

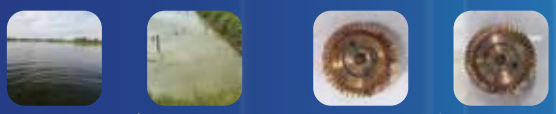

Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát

Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm

MÁY BƠM TĂNG ÁP



A-130JAK — 2.150.000
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m



A-200JAK — 2.500.000
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng



A-130JACK — 2.590.000
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 27m
- Mô tơ dây đồng



A-130JTX — 3.710.000
(Tính năng tạo bọt khí)
(Dây điện 125cm + phích cắm)
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 25m
- Mô tơ dây đồng



GA-125FAK — 2.870.000
(Dây điện 125cm)
- Bơm tăng áp mạch điện tử
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



CÔNG NGHỆ LY TÂM	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Mô tơ dây đồng	Giá bán
GP-10HCN1SVN	740W	10-99	9	34-25	●	5.380.000
GP-15HCN1SVN	1110W	30-145	9	38.7-22	●	7.210.000
GP-20HCN1SVN	1480W	30-154	9	46.2-26	●	8.350.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY BƠM NƯỚC NÓNG TĂNG ÁP ĐIỆN TỬ



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút / xả (mm)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NSP128-A	128W	30	32/32	25	●	●	2.250.000
NSP200-A	200W	36	32/32	28	●	●	2.460.000
NSP300-A	300W	38	32/32	30	●	●	2.540.000
NSP400-A	400W	40	32/32	32	●	●	2.640.000

(Dây điện 1,8m + phích cắm)

*** Bơm chịu được nước nóng lên đến 100ºC**

*** Bơm có cảm biến dòng chảy*

**** Cổ bầu áp lực bằng kim loại*

MÁY BƠM ĐẦU JET



NJET750 — **2.050.000**

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 40m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

MÁY BƠM LY TÂM



NCP750 — **2.150.000**

(Dây điện 20cm)

- Công suất 750W
- Lưu lượng nước 90 lít/phút
- Chiều sâu hút 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa 28m
- Mô tơ dây đồng
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút : 32mm
- Đường kính ống xả : 32mm

MÁY BƠM LƯU LƯỢNG



	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút / xả (mm)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng	Giá bán
NHF750	750W	300	60/60	10	●	●	1.980.000
NHF1100	1100W	340	60/60	14	●	●	3.050.000
NHF1500	1500W	370	60/60	17	●	●	3.150.000

(Dây điện 20cm)



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm

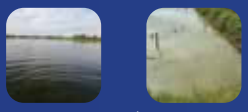

Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm

BẾP ĐIỆN TỪ

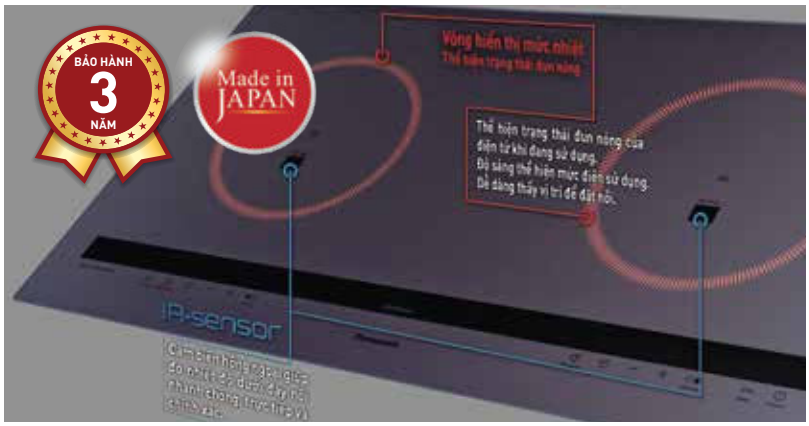

Mã sản phẩm	KY-C227E 27.500.000		KY-A227E 26.500.000	
Màu mặt trên	Xám		Đen	
Màu thân	Đen		Đen	
Kích thước (mm)	742(R)*400(S)*107(C)		742(R)*400(S)*99(C)	
Kích thước chừa lỗ (mm)	710(R)*368(S)			
Điện vào	3,200W - 16A			
Công suất (tối đa)	Trái	Phải	Trái	Phải
	3,200W	3,200W	3,200W	3,200W
Cấp độ điều chỉnh nhiệt	9	9	9	9
Cảm biến hồng ngoại	•	•	•	•
Thực đơn nấu tự động	Rán chảo ít dầu/ Rán chảo nhiều dầu	Nấu cháo	-	Nấu cháo
Vòng hiển thị mức nhiệt	•	•	-	-
Tăng công suất tối đa	-	•	-	-
Công nghệ ECONAVI	•		-	
Điều khiển	Cảm ứng		Cảm ứng	
Hiển thị mức nhiệt	Số		Số	
Khóa an toàn	•		•	
Đèn báo nhiệt độ cao	•		•	
Chế độ tự động tắt	•		•	
Hẹn giờ	1 phút đến 9 giờ 30 phút			
Lắp đặt	Lắp âm/Lắp nổi		Lắp âm	
Xuất xứ	Nhật Bản		Nhật Bản	

Các tính năng an toàn	
Dừng làm nóng	• Không có nồi/Không người thao tác: Tắt sau 1 phút • Nồi quá nhỏ: Tắt sau 3 phút • Nồi không có nước: Tắt sau 15 phút • Không hoạt động trong thời gian dài: Tắt sau 45 phút
Công suất làm nóng giảm	• Ngăn chặn quá nhiệt • Công suất làm nóng được giảm tự động khi đáy của dụng cụ nấu quá nóng
Nguồn chính tắt	• Tự động ngắt nguồn • Nguồn chính sẽ tự động tắt nếu hết 1 phút mà không có hoạt động nào
Đèn sáng khi mặt trên nóng	• Cảnh báo nhiệt độ cao
Khóa tất cả các hoạt động	• Khóa trẻ em Lock

Bếp không bị nóng

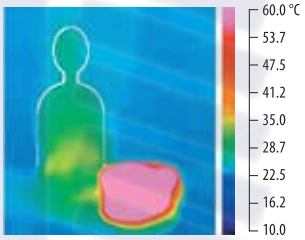

Gian bếp không bị nóng vì bếp từ chỉ làm nóng dụng cụ nấu ăn. Và việc không dùng lửa có nghĩa là bạn có thể thoải mái mở cửa sổ và tận hưởng gió mát.





Thiết kế cuộn kép

Cấp điện đồng thời cho cả cuộn trong và cuộn ngoài, giúp tạo nhiệt độ đồng đều và ổn định.

MỚI Tính Năng Mới

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI Cảm biến hồng ngoại giúp đo nhiệt độ dưới đáy nồi nhanh chóng, trực tiếp và chính xác.





Xác định chính xác nhiệt độ dưới đáy nồi nhờ cảm biến hồng ngoại.

ECONAVI

CHÍNH XÁC Chương trình điều khiển tăng nhiệt độ nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu, duy trì ở mức mong muốn.

ỔN ĐỊNH Đem lại màu nâu sậm đồng nhất cho món ăn.

DUY TRÌ Khi thức ăn trong nồi nguội đi, bếp tăng nhiệt nhanh chóng để duy trì nhiệt độ ở mức cần thiết.

■ Điều chỉnh nhiệt độ chính xác theo cách nấu ăn



Nút thực đơn nấu tự động







*Giá bán đã bao gồm VAT

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

LED DOWNLIGHT DN SERIES (NORMAL)



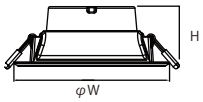

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - 220V
Kích thước: Ø109mm/H: 50mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm
NNNC7581388 - 450lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586388 - 450lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596388 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
240.000

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø114mm/H: 50mm
Kích thước khoét lỗ: Ø95mm
NNNC7581488 - 675lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586488 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596488 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
285.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø144mm/H: 55mm
Kích thước khoét lỗ: Ø125mm
NNNC7581588 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586588 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596588 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
376.000

Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø169mm/H: 55mm
Kích thước khoét lỗ: Ø150mm
NNNC7581888 - 1125lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586888 - 1125lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596888 - 1125lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
440.000

Công suất 18W - 220V
Kích thước: Ø194mm/H: 55mm
Kích thước khoét lỗ: Ø175mm
NNNC7581688 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7586688 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7596688 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
550.000

LED DOWNLIGHT DN SERIES (IP44 TYPE)



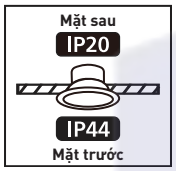

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - 220V
Kích thước: Ø109mm/H: 50mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm
Chống nước: Mặt trước IP44 / Mặt sau IP20
NNNC7647088 - 450lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7643088 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
310.000

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø114mm/H: 50mm
Kích thước khoét lỗ: Ø95mm
Chống nước: Mặt trước IP44 / Mặt sau IP20
NNNC7647188 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7643188 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
370.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø144mm/H: 55mm
Kích thước khoét lỗ: Ø125mm
Chống nước: Mặt trước IP44 / Mặt sau IP20
NNNC7647288 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7643288 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
450.000

LED DOWNLIGHT DN SERIES (SENSOR TYPE)





Cảm biến chuyển động/ ánh sáng

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø127mm/H: 50mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm
Cảm biến chuyển động/ ánh sáng
NNNC7641588 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7645588 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
730.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø144mm/H: 55mm
Kích thước khoét lỗ: Ø125mm
Cảm biến chuyển động/ ánh sáng
NNNC7641688 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7645688 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
790.000

LED DOWNLIGHT DN SERIES (ĐIỀU CHỈNH GÓC CHIẾU)



Công suất 3W - 220V - Chỉnh góc 38° - CRI: 80
Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm
Kích thước khoét lỗ: Ø80mm
NNNC7630088 - 250lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7631088 - 250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7635088 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng
240.000

Công suất 5W - 220V - Chỉnh góc 60° - CRI: 80
Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm
Kích thước khoét lỗ: Ø80mm
NNNC7624088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7629088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7628088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng
270.000

Công suất 7W - 220V - Chỉnh góc 60° - CRI: 80
Kích thước: Ø90mm/H: 43.5mm
Kích thước khoét lỗ: Ø80mm
NNNC7624188 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7629188 - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7628188 - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng
310.000



LED DOWNLIGHT DN SERIES (ĐỔI 3 MÀU)



Ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

NNNC7646088
- Công suất: 9W - 810lm
- Kích thước: Ø127mm/H: 50mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø110mm

430.000

NNNC7646188
- Công suất: 12W - 1140lm
- Kích thước: Ø144/H: 55mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

530.000

NNNC7646288
- Công suất: 15W - 1650lm
- Kích thước: Ø169/H: 55mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

630.000

LED DOWNLIGHT DN 2G



CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø109mm/H: 32mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm
NNV70041WE1A Ánh sáng trung tính 4000K
NNV70061WE1A Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
289.000



CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø129mm/H: 32mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm
NNV70042WE1A Ánh sáng trung tính 4000K
NNV70062WE1A Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
379.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

LED DOWNLIGHT NEO SLIM - MADE IN INDONESIA



Slim Downlight vuông - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 9W - 220V
Kích thước: L120xW120mm/ H: 30mm
Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm
NNP72250 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP72255 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

370.000

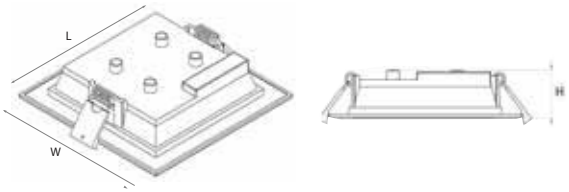

Slim Downlight tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 6W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H: 30mm
Kích thước khoét lỗ: Ø100mm
NNP71272 - 420lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP71279 - 420lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP71278 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

255.000

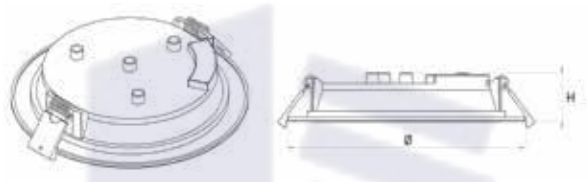



Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H: 30mm
Kích thước khoét lỗ: Ø100mm
NNP72272 - 630lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP72279 - 630lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP72278 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

299.000



Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 30mm
Kích thước khoét lỗ: Ø150mm
NNP74472 - 1130lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP74479 - 1130lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP74478 - 1130lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

479.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 30mm
Kích thước khoét lỗ: Ø125mm
NNP73472 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP73479 - 900lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP73478 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

385.000

Công suất 18W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 30mm
Kích thước khoét lỗ: Ø150mm
NNP74572 - 1440lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP74579 - 1440lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP74578 - 1440lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

535.000

LED DOWNLIGHT NEO SLIM ĐỔI MÀU - MADE IN INDONESIA

Đổi 3 màu ánh sáng: 6500K - 3000K - 4000K



NNP72276

- Công suất: 9W - 630lm
- Kích thước: Ø120mm/H: 30mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø100mm

460.000

NNP73476

- Công suất: 12W - 900lm
- Kích thước: Ø140/H: 30mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø125mm

** Dự kiến có hàng tháng 05/2021*

560.000

NNP74476

- Công suất: 15W - 1130lm
- Kích thước: Ø170/H: 30mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø150mm

** Dự kiến có hàng tháng 06/2021*

660.000

BẢNG THAY ĐỔI NHIỆT ĐỘ MÀU

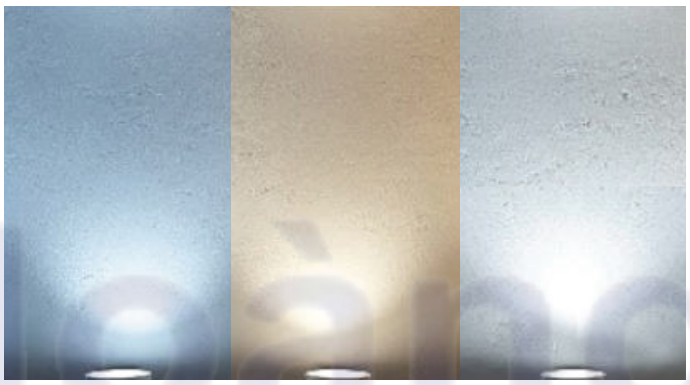

Ánh sáng trắng 6500K | **Ánh sáng vàng 3000K** | **Ánh sáng trung tính 4000K**

LED DOWNLIGHT ALPHA SERIES - MADE IN INDONESIA

***Vỏ đèn kim loại, độ sáng sắc nét, tuổi thọ lên tới 40.000 giờ**



Downlight LED Alpha Series tròn - CRI: Ra80
Công suất 8.6W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H: 35mm
Kích thước khoét lỗ: Ø100mm
NNP72243 - 770lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNP72253 - 815lm - Ánh sáng trung tính 5000K
NNP72286 - 850lm - Ánh sáng trắng 6500K

650.000



Dowlight LED Alpha Series vuông - CRI: Ra80
Công suất 8.6W - 220V
Kích thước: L100xW100mm/ H: 42mm
Kích thước khoét lỗ: L100xW100mm
NNP72283 - 697lm - Ánh sáng vàng 2700K
NNP72288 - 730lm - Ánh sáng trắng 6500K

750.000

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

LED DOWNLIGHT EZ SERIES

NEW

Vỏ đèn bằng kim loại - Kích thước siêu mỏng

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ



Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø98mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm
NNNC7655188 - 675lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7651188 - 675lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng — **340.000**



Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm
NNNC7655288 - 960lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7651288 - 960lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng — **410.000**

Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø158mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø150mm
NNNC7655388 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7651388 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K

Đóng gói: 10 cái/thùng — **480.000**

LED DOWNLIGHT ONE-CORE - MADE IN INDONESIA

Downlight thường góc chiếu 100⁰ - CRI: Ra80



Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm
HH-LD40501K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K — **635.000**

Công suất 8.6W - 220V , Ø100/H: 80mm
HH-LD40701K19 - 550lm - Ánh sáng vàng 2700K — **825.000**

Dowlight LED vuông - CRI: Ra80

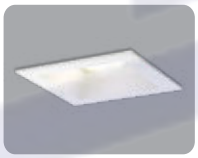

Công suất 5.5W - 220V, L100xW100xH80mm
HH-LD40507K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K
HH-LD20507K19 - 364lm - Ánh sáng trắng 6500K — **960.000**

Downlight LED chỉnh góc - CRI: Ra80

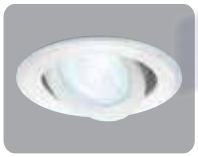

Góc chiếu 24⁰ - Tuổi thọ 30,000 giờ
Công suất 7W - 220V, Ø75/H: 32mm
NNP21102 - 465lm - Ánh sáng trắng 6500K
Kích thước: Ø90mm/H: 32 mm
Kích thước khoét lỗ: Ø75mm — **640.000**

Downlight LED chống ẩm - IP43 - CRI: Ra80



Công suất 5.5W - 220V, Ø100/H: 80mm
HH-LD40508K19 - 345lm - Ánh sáng vàng 2700K — **880.000**

LED DOWNLIGHT GLOBAL SERIES

Downlight LED tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ



Công suất 5W - 220V, Ø95mm/H: 68mm
NNP71259 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K — **240.000**

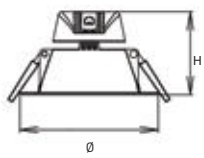

Công suất 8W - 220V, Ø95mm/H: 68mm
NNP72249 - 640lm - Ánh sáng vàng 3000K — **276.000**

Công suất 12W - 220V, Ø125mm/H: 78mm
NNP73349 - 960lm - Ánh sáng vàng 3000K — **376.000**

LED DOWNLIGHT PANEL TRÒN

Downlight Panel tròn - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ



Công suất 6W-220V, Ø105mm/H: 21mm
NNP712563 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNP712663 - 360lm - Ánh sáng trắng 6500K — **245.000**

Công suất 8W-220V, Ø105mm/H: 21mm
NNP722563 - 500lm - Ánh sáng vàng 3000K — **280.000**

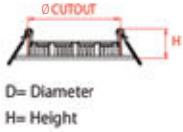

Công suất 12W-220V, Ø155mm/H: 21mm
NNP735563 - 850lm - Ánh sáng vàng 3000K — **379.000**

Công suất 15W-220V, Ø170mm/H: 21mm
NNP745563 - 1080lm - Ánh sáng vàng 3000K — **479.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN PANEL VĂN PHÒNG NEW

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

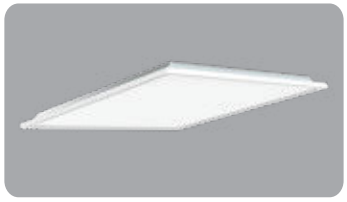

NNFC7036188 (Hiệu suất cao)

- Công suất:36W/AC220-240V - CRI: Ra80
- Kích thước: L595xW595xH38mm - Trọng lượng: 2kg
- Quang thông: 4400lm - Ánh sáng trắng 6500K
- Tuổi thọ: 25.000 giờ

1.590.000



LED ỐP TRẦN NỔI (TRÒN)

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ

Công suất 6W - AC 220 - 240V, 50/60Hz
Kích thước: Ø120mm/H: 36mm
NNNC7632088 - 350lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7633088 - 350lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7637088 - 350lm - Ánh sáng trắng 6500K
350.000

Công suất 12W - AC 220 - 240V, 50/60Hz
Kích thước: Ø170mm/H: 36mm
NNNC7632188 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7633188 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7637188 - 800lm - Ánh sáng trắng 6500K
490.000



Đóng gói: 10 cái/thùng

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ

Công suất 18W - AC 220 - 240V, 50/60Hz
Kích thước: Ø225mm/H: 36mm
NNNC7622088 - 1350lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7623088 - 1350lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7627088 - 1350lm - Ánh sáng trắng 6500K
650.000

Công suất 24W - AC 220 - 240V, 50/60Hz
Kích thước: Ø300mm/H: 36mm
NNNC7622188 - 1700lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNNC7623188 - 1700lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7627188 - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K
960.000

LED NEO BULB

** Sản phẩm bảo hành 2 năm*

NEW



Đóng gói: 10 cái/thùng

Chứng nhận hiệu suất năng lượng (>100lm/W)

Chứng nhận hợp quy

LED Neo Bulb - CRI: Ra80 - Tuổi thọ 12,000 giờ

Công suất: 3W, 110V - 240V, 50/60Hz
LDAHV3LH6T - 280lm - Ánh sáng vàng 3000K
LDAHV3DH6T - 280lm - Ánh sáng trắng 6500K
68.000

Công suất: 5W, 110V - 240V, 50/60Hz
LDAHV5LH6T - 470lm - Ánh sáng vàng 3000K
LDAHV5DH6T - 470lm - Ánh sáng trắng 6500K
83.000

Công suất: 7W, 110V - 240V, 50/60Hz
LDAHV7LH6T - 585lm - Ánh sáng vàng 3000K
LDAHV7DH6T - 650lm - Ánh sáng trắng 6500K
92.000

Công suất: 9W, 110V - 240V, 50/60Hz
LDAHV9LH6T - 729lm - Ánh sáng vàng 3000K
LDAHV9DH6T - 810lm - Ánh sáng trắng 6500K
118.000

Công suất: 12W, 110V - 240V, 50/60Hz
LDAHV12LH6T - 1260lm - Ánh sáng vàng 3000K
LDAHV12DH6T - 1400lm - Ánh sáng trắng 6500K
149.000

Công suất: 15W, 110V - 240V, 50/60Hz
LDAHV15LH6T - 1530lm - Ánh sáng vàng 3000K
LDAHV15DH6T - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K
174.000

LED DOWNLIGHT NỔI KHÔNG VIỀN RIMLESS

NEW



Đóng gói: 20 cái/thùng

Rimless Tròn - Công suất: 9W
Kích thước: Ø116mm/H: 42.5mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm
NNNC7625088 - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7621088 - Ánh sáng trắng 6500K
299.000

Rimless Tròn - Công suất: 12W
Kích thước: Ø130mm/H: 42.5mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm
NNNC7625188 - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7621188 - Ánh sáng trắng 6500K
450.000

NEW



Đóng gói: 20 cái/thùng

Rimless Vuông - Công suất: 9W
Kích thước vuông: 116x116x42.5mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm
NNNC7625388 - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7621388 - Ánh sáng trắng 6500K
299.000

Rimless Vuông - Công suất: 12W
Kích thước vuông: 130x130x42.5mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm
NNNC7625488 - Ánh sáng trung tính 4000K
NNNC7621488 - Ánh sáng trắng 6500K
450.000

ĐÈN LED BÁN NGUYỆT (KB BATTEN)

Chất liệu: nhựa PC trong suốt không màu, bền gấp 250 lần thủy tinh
Tuổi thọ nguồn sáng: 25,000 giờ (LLMF: 70%)



Công suất 18W - 240V - CRI: Ra >80
Kích thước: L600 x W60 x H30mm
NNFC5009088 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNFC5009588 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 30 cái/ thùng
370.000

Công suất 36W - 240V - CRI: Ra >80
Kích thước: L1200 x W60 x H30mm
NNFC5009188 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NNFC5009688 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 30 cái/ thùng
580.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

LED LUNA SERIES

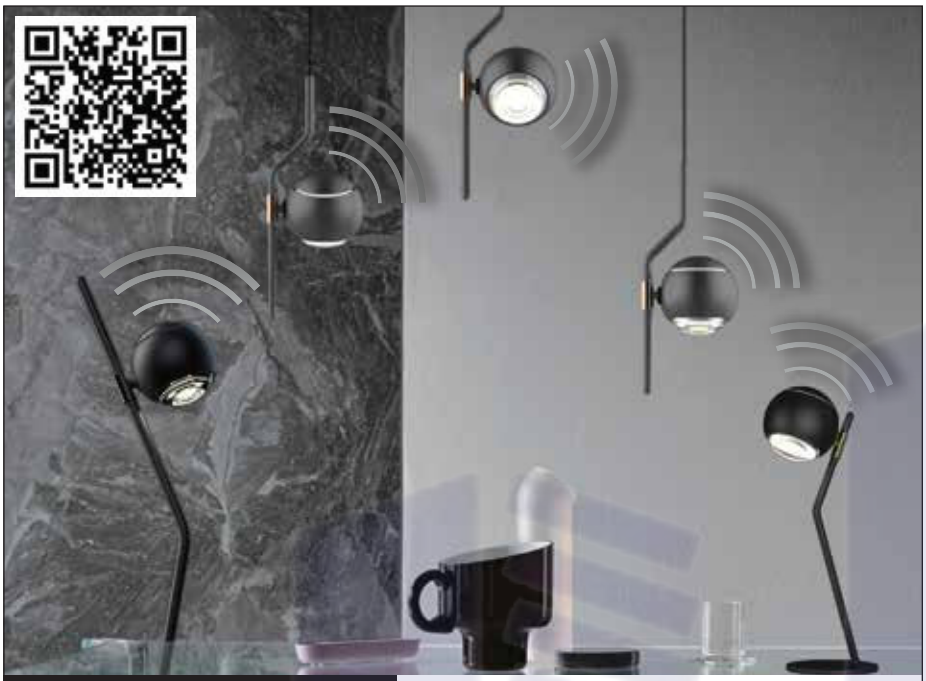

Điều khiển bằng cảm ứng trên mỗi quả cầu

03 Chế độ ánh sáng
- Chế độ ánh sáng toàn phần
- Chế độ ánh sáng chiếu điểm
- Chế độ ánh sáng hắt sáng

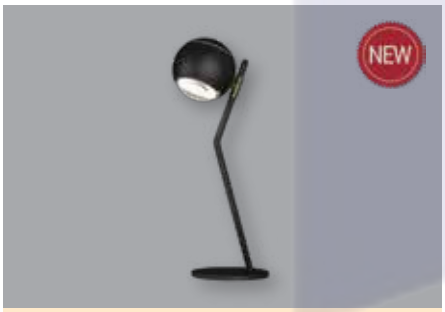

Ánh sáng vàng 3000K

HH-TQ0610

- Công suất 6.5W
- Kích thước: 172*120*370mm
- Khối lượng: 1.9 kg
- CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp

5.000.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LW2610

- Công suất 18.5W
- Kích thước: Ø385mm*1200mm
- Khối lượng: 3.8 kg
- CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp

11.900.000

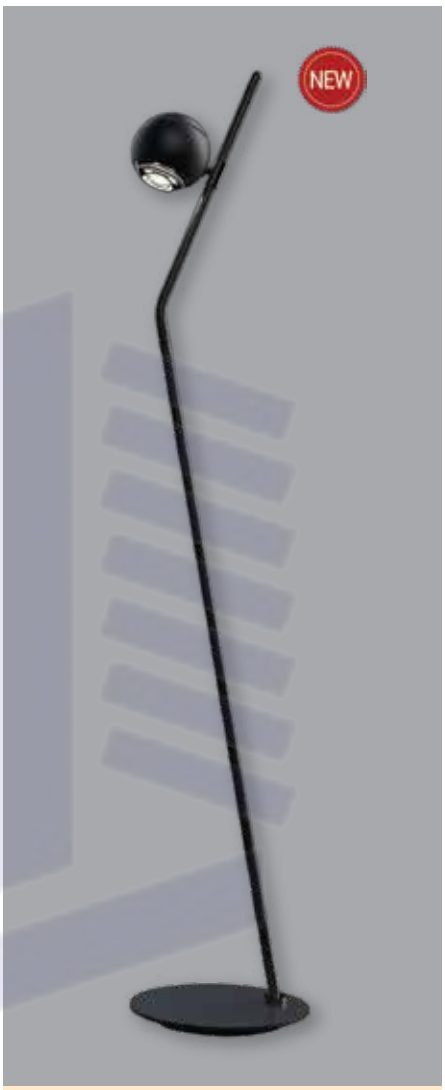

Ánh sáng vàng 3000K

HH-TQ1610

- Công suất 6.5W
- Kích thước: Ø240*1220mm
- Khối lượng: 4.5 kg
- CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp

6.300.000



ĐÈN TRẦN LED STARRY SERIES

** Dự kiến có hàng tháng 01/2021*



Ánh sáng trắng 6200K | Ánh sáng vàng 2700K

HHGXS340188

- Đèn trần kết hợp loa Bluetooth
- Có remote điều khiển màu, độ sáng và âm thanh
- Công suất: Đèn 25W + Loa 5W
- Diện tích đề xuất: 10-12 m2
- Kích thước: Ø380mmxH60mm
- Khối lượng: 1.2 kg
- Quang thông: 1500lm - CRI:80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

4.400.000

Kết nối loa Bluetooth bằng 2 bước

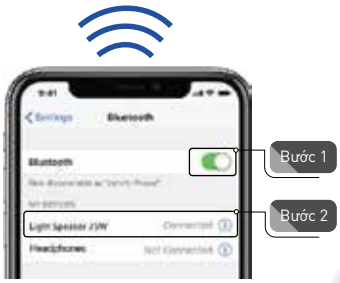

Bluetooth



- Kết nối dễ dàng bằng Bluetooth để thưởng thức âm nhạc của bạn.
- Tích hợp loa chất lượng cao đưa bạn tới với trải nghiệm âm nhạc tuyệt hảo.

Chế độ ánh sáng đa năng

CCT Changeable
Điều chỉnh nhiệt độ màu từ 3000K tới 6500K bằng cách nhấn nút Warm/Cool trên remote

RGB Color
Thay đổi màu sắc xung quanh loa bằng các nhấn nút RGB

10 Steps Dimmable
Thay đổi cường độ ánh sáng bằng cách nhấn nút Bright/ Dim trên remote

Night Light
Chế độ Night Light phù hợp để bạn thư giãn



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ301188

- Có remote điều khiển màu, cường độ sáng
- Công suất: 36W; Diện tích đề xuất: 12 - 15 m²
- Kích thước: Ø500mmxH98mm
- Khối lượng: 1.4 kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

4.800.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ301788

- Có remote điều khiển màu, cường độ sáng
- Công suất: 28 W; Diện tích đề xuất: 10 - 12 m²
- Kích thước: Ø400mmxH85mm
- Khối lượng: 1.1 kg
- Quang thông: 1900lm - CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

3.900.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ201688

- Có remote điều khiển màu, cường độ sáng
- Công suất: 21 W; Diện tích đề xuất: 8 - 10 m²
- Kích thước: Ø400mmxH85mm
- Khối lượng: 0.8 kg
- Quang thông: 1600lm - CRI: 80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ

3.300.000



Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG KHÁCH



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ502288

- Diện tích chiếu sáng: 18-22m²
- Công suất 79W/0.37A/AC220-240V
- Kích thước: Ø800mm/H160mm - Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 5000lm - 63.3lm/W - CRI: Ra85
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc

19.320.000

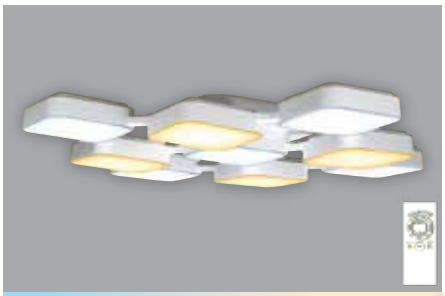

Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ504988

- Diện tích chiếu sáng: 16-20m²
- Công suất 68W/0.31A/AC220-240V
- Kích thước: L740xW740xH120mm - Trọng lượng: 8.6kg
- Quang thông: 5000lm - 73.5lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa

15.850.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 2700K

HH-LAZ317588

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L820xW820xH97mm - Trọng lượng: 7.7kg
- Quang thông: 3800lm - 79lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại bạc, viền nhựa trong

11.570.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ317988

- Diện tích chiếu sáng: 12-16m²
- Công suất 48W/0.23A/AC220-240V
- Kích thước: L600xW600xH129mm - Trọng lượng: 9kg
- Quang thông: 2500m - 52lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền nhựa vân hình cánh hoa

10.990.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC306988

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø580mm/H120mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - 83lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kép trắng

7.900.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ550088 & HKC311788

- Diện tích chiếu sáng: 14-18m²
- Công suất 55W/AC220-240V
- Kích thước: Ø580mm/H120mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 3800lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền trắng trong

7.100.000





Ánh sáng trung tính 4600K | Ánh sáng vàng 2700K

HH-LMZ100988

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 61W (36W đèn + 25W quạt)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø594xH158mm
- Trọng lượng: 4.3kg
- Quang thông: 2600lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

15.740.000

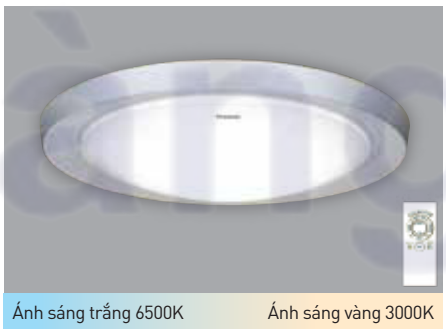

Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ167088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø590mm/H140mm
- Trọng lượng: 5kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, viền bạc

5.780.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO PHÒNG NGỦ



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ175088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.175A/AC220-240V
- Kích thước: Ø512mm/H108mm
- Trọng lượng: 3kg
- Quang thông: 1600lm - 76.2lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung nhựa màu hồng

5.630.000



Ánh sáng trắng 6200K | Ánh sáng vàng 2700K

HH-XZ352288

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø550xH100mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa, khung đèn kim loại màu trắng

4.720.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-LAZ181488

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø480mm/H80mm
- Trọng lượng: 4kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung kim loại trắng hoa tuyết

3.950.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-XZ351888

- Diện tích chiếu sáng: 10-14m²
- Công suất: 36W/AC220-240V
- Kích thước: Ø460xH105mm
- Trọng lượng: 3.3kg
- Quang thông: 2400lm - CRI: Ra80
- Sử dụng remote điều chỉnh độ sáng (100%-5%)
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Chụp đèn nhựa acrylic trắng sữa

3.900.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA1638DB88

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 19W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: L490xW490xH112.5mm
- Trọng lượng: 2.5kg
- Quang thông: 1600lm - 84.2lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, góc viền trang trí nhựa sơn ánh kim

3.600.000



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 2700K

HH-XQ254088

- Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
- Công suất 21W/AC220-240V
- Kích thước: L470xW470xH113mm
- Trọng lượng: 3.2kg
- Quang thông: 1600lm - 76lm/W - CRI: Ra80
- Sử dụng công tắc đổi màu 2700K-5000K-6500K
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa, khung viền vân trong

2.600.000

ĐÈN TRANG TRÍ





Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM800388

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø808mm/H480mm
- Trọng lượng: 12.45kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x8
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

15.970.000

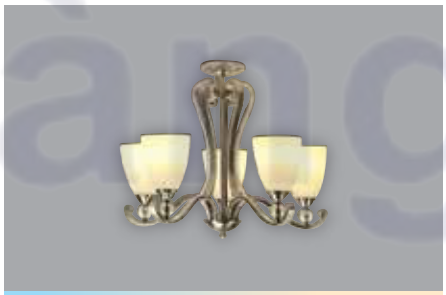

Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LM500388

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø625mm/H465mm
- Trọng lượng: 8.95kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x5
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu bạc, chóa đèn bằng sứ

9.960.000

ĐÈN TRẦN LED DÀNH CHO LỐI ĐI, PHÒNG TẮM, HÀNH LANG, BAN CÔNG





HH-XQ140188 — 540.000
Ánh sáng trung tính 4000K

HH-XQ140288 — 540.000
Ánh sáng trắng 6500K

HHGXQ143188 — 790.000
Điều chỉnh 3 màu ánh sáng
3000K - 4000K - 6500K bằng công tắc

- Diện tích chiếu sáng: 4-8 m²
- Công suất12W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø260mm/ H: 50mm
- Quang thông: 830lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic

HH-XQ240188 — 640.000
Ánh sáng trung tính 4000K

HH-XQ240288 — 640.000
Ánh sáng trắng 6500K

HHGXQ243188 — 940.000
Điều chỉnh 3 màu ánh sáng
3000K - 4000K - 6500K bằng công tắc

- Diện tích chiếu sáng: 6-10 m²
- Công suất18W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø325mm/ H: 80mm
- Quang thông: 1200lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic

HH-XQ240388 — 740.000
Ánh sáng trung tính 4000K

HH-XQ240488 — 740.000
Ánh sáng trắng 6500K

HHGXQ243288 — 1.100.000
Điều chỉnh 3 màu ánh sáng
3000K - 4000K - 6500K bằng công tắc

- Diện tích chiếu sáng: 8-12 m²
- Công suất 24W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø380mm/ H: 60mm
- Quang thông: 1600lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic



HHGXQ142888 - Ánh sáng trung tính 4000K
HHGXQ142988 - Ánh sáng trắng 6500K

Đèn trần có cảm biến chuyển động/ ánh sáng

- Diện tích chiếu sáng: 4-8 m²
- Công suất12W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø225mm/ H: 70mm
- Quang thông: 860lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Chống nước chuẩn IP44

1.100.000



Bề mặt chống nước chuẩn IP44

IP44 Waterproof

HHGXQ242688 - Ánh sáng trung tính 4000K
HHGXQ242788 Ánh sáng trắng 6500K

Đèn trần có cảm biến chuyển động/ ánh sáng

- Diện tích chiếu sáng: 6-10 m²
- Công suất18W/AC220-240V ; 50-60Hz
- Kích thước: Ø325mm/ H: 80mm
- Quang thông: 1280lm - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 25000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic
- Chống nước chuẩn IP44

1.300.000



Tích hợp cảm ứng ánh sáng/chuyển động

- Trong môi trường tối, đèn sẽ tự động bật sáng bằng cách phát hiện chuyển động của người
- Trong môi trường có ánh sáng, đèn sẽ không tự động bật sáng kể cả khi có chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện



Ánh sáng trắng 6500K

HH-LA0619CC88

- Diện tích chiếu sáng: 4-6m²
- Công suất 8W/0.07A/AC220-240V
- Kích thước: Ø260mm/H70mm
- Trọng lượng: 0.73kg
- Quang thông: 550lm - 68.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
- Độ kín nước IP64

1.340.000



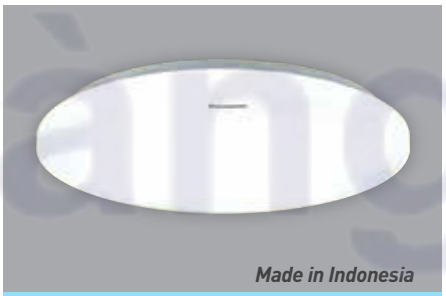

Ánh sáng trắng 6500K

NNP52600 — 1.100.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-8m²
- Công suất 15W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø300mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1127lm - 82.31lm/W - CRI: Ra80

NNP52700 — 1.415.000

- Diện tích chiếu sáng: 4-10m²
- Công suất 20W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: Ø400mm/H73mm - Trọng lượng: 0.61kg
- Quang thông: 1502lm - 78.21lm/W - CRI: Ra80

*Giá bán đã bao gồm VAT

Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn Panasonic

ĐÈN THẢ



Ánh sáng trắng 6500K | Ánh sáng vàng 3000K

HH-LA606188

- Thích hợp cho phòng khách, phòng ăn
- Công suất 64W/0.36A/AC220-240V
- Kích thước: Ø787mm / Trọng lượng: 10.5kg
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 400mm - 700mm
- Quang thông: 5100lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Dùng công tắc lắp tường để đổi chế độ chiếu sáng (bật 6 đèn/ bật 3 đèn trắng/ bật 3 đèn vàng)
- Chất liệu: Nhựa trong

13.850.000



Ánh sáng trắng 5000K

HH-LA202988

- Công suất 32W/0.16A/AC220-240V
- Kích thước: Ø558mm
- Đường kính tấm phát quang Ø280mm
- Tầm treo: 900mm - 1,200mm
- Trọng lượng: 6.5kg
- Quang thông: 2,550lm - 77lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ (LLMF: 70%)
- Chất liệu: Nhựa trong

6.910.000





Ánh sáng vàng 3000K

HH-LB1090388 (Màu trắng)
HH-LB1090588 (Màu đỏ)

- Công suất: 17W/0.137A/AC220-240V
- Kích thước: Ø140mm/H30mm
- Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1000lm - 58.8lm/W - CRI: Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 40,000 giờ
- Tầm treo 1,100mm-1,300mm
- Chất liệu: Nhựa acrylic

5.910.000





Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB3090888

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- AC220-240V
- Kích thước: Ø493mm
- Trọng lượng: 5kg
- Tầm treo 1,100mm - 1,200mm
- Chất liệu: Đế đèn kim loại, chóa đèn thủy tinh

5.530.000



Ánh sáng vàng 3000K

HH-LW250588

- Công suất: 21W/AC220-240V
- Kích thước: Ø670mm/H178mm
- Trọng lượng: 3.7kg
- Quang thông: 1,500lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa, chụp ngoài bằng kim loại
- Tầm treo 1,200mm

4.700.000



Sử dụng bóng E27 (Giá không bao gồm bóng)

HH-LB1051288

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max11W)
- Kích thước: W610xL270xH380mm
- Trọng lượng: 3,9kg
- Chất liệu: Khung sườn kim loại màu đen
- Tầm treo 1,200mm

3.500.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN TƯỜNG TRANG TRÍ



Ánh sáng vàng 3000K

HH-BW050088

- Công suất 6W
- Kích thước: L215xW60xH65mm
- Quang thông: 360lm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng sữa

1.800.000





Ánh sáng vàng 3000K

BQ1004W88 (Màu trắng)
BQ1004B88 (Màu đen)

- Công suất: 6 W
- Kích thước: 173 x 90 x 32mm
- Quang thông: 300lm - CRI: 80
- Trọng lượng: 0.6kg
- Chất liệu: Hợp kim

1.750.000

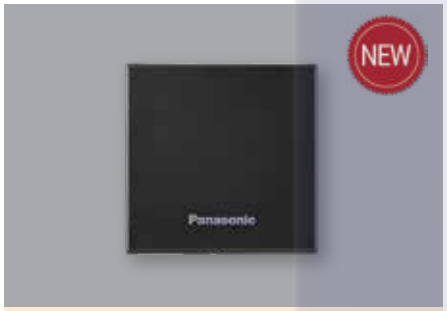

Ánh sáng vàng 3000K

HH-BQ1005W88 (Màu trắng)
HH-BQ1005B88 (Màu đen)

- Công suất: 6 W
- Kích thước: 100 x 100 x 100mm
- Quang thông: 300lm - CRI: 80
- Trọng lượng: 0.6kg
- Chất liệu: Hợp kim

1.750.000





Ánh sáng vàng 3000K

HH-BQ100688

- Công suất: 6 W
- Kích thước: 280 x 160 x 50mm
- Quang thông: 300lm - CRI: 80
- Trọng lượng: 0.8kg
- Chất liệu: Hợp kim

1.750.000

ĐÈN CHIẾU GƯƠNG LED



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LW0412488

- Công suất: 9W/ AC220-240V
- Kích thước: L600xW130xH60mm
- Trọng lượng: 1.3kg
- Quang thông: 700lm - Ra80
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa

1.900.000



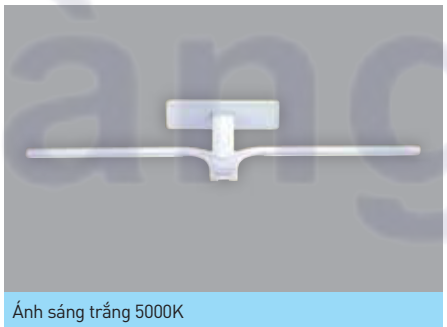

Ánh sáng trắng 5000K

HH-LW0512388

- Công suất: 10W/0.09A/ AC 220 – 240V
- Kích thước: L585xW230xH125mm
- Trọng lượng: 0.67kg
- Quang thông: 700lm – Ra85
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Chất liệu: Kim loại màu bạc, chóa đèn bằng nhựa

1.990.000

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM







NNNC7601288 (Màu trắng - Ánh sáng vàng 3000K)
NNNC7606288 (Màu trắng - Ánh sáng trắng 6500K)
NNNC7601388 (Màu đen - Ánh sáng vàng 3000K)
NNNC7606388 (Màu đen - Ánh sáng trắng 6500K)
- Công suất 7W
- CRI: Ra80
- Kích thước : L144xW95xH68mm
- Tuổi thọ nguồn sáng: 20,000 giờ
- Xoay góc chiếu 180 độ
- Chụp đèn sơn tĩnh điện

490.000

RAIL-2-10-W88/B88
Thanh ray gắn đèn chiếu điểm
220-230V 6A/1m, màu trắng/đen
490.000

CON-2-180-W88/B88
Đầu nối chữ I trắng/đen
160.000

CON-2-90-W88/B88
Đầu nối chữ L trắng/đen
190.000





ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ: 25,000 giờ
Chất liệu: Kính cường lực và hợp kim nhôm ADC12

Công suất 10W - 220V
Kích thước: L114xW30xH109mm
NNYC2011188 - 900lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNYC2016188 - 900lm - Ánh sáng trắng 6500K
250.000

Công suất 20W - 220V
Kích thước: L138xW30xH127mm
NNYC2011288 - 1800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNYC2016288 - 1800lm - Ánh sáng trắng 6500K
350.000

Công suất 30W - 220V
Kích thước: L167xW31xH162mm
NNYC2011388 - 2700lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNYC2016388 - 2700lm - Ánh sáng trắng 6500K
540.000

Công suất 50W - 220V
Kích thước: L197xW35xH174mm
NNYC2011588 - 4500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NNYC2016588 - 4500lm - Ánh sáng trắng 6500K
790.000





ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI - IP65

**Cảnh báo: Không bật dải LED sáng quá 3 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao gây ảnh hưởng đến độ bền của LED dây*

Đèn LED dây - Strip Light

- Điện áp đầu vào: 230V
- Công suất: 8W/m
- Kích thước: 10*7mm
- Đoạn cắt: 1m
- Trọng lượng: 4.6kg
- Quang thông: 620lm/m
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC
- Tuổi thọ: 20,000 giờ

NFV80003CE1A - Ánh sáng vàng 3000K
NFV80004CE1A - Ánh sáng trung tính 4000K
NFV80006CE1A - Ánh sáng trắng 6500K

4.900.000

NFV90001WE1A - Driver cho LED dây

Công suất: 400W (Max) - AC 220-240V
Đóng gói: 50 cái/thùng

220.000





Ánh sáng vàng 3000K



Ánh sáng trung tính 4000K



Ánh sáng trắng 6500K





ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0421 (Trắng)

- Công suất: 7.5W/AC220-240V
- Kích thước: L175xW175xH470mm
- Quang thông: 400lm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

1.850.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0523 (Trắng)

- Công suất: 17W/AC220-240V
- Kích thước: L176xW188xH418mm
- Quang thông: 780lm
- Nhiệt độ màu: Ánh sáng trung tính 4000K
- Điều chỉnh sáng 6 cấp độ

2.950.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT0623

- Công suất: 19W/AC220-240V
- Kích thước: L200xW200xH430mm
- Quang thông: 800lm
- Cảm ứng điều chỉnh độ sáng
- Chip LED RG0 loại bỏ ánh sáng xanh
- Nhiều chế độ chiếu sáng tích hợp
- CRI: Ra90

3.950.000

Tiêu chuẩn JIS A/AA hàng đầu Nhật Bản

JIS: Japanese Industrial Standard

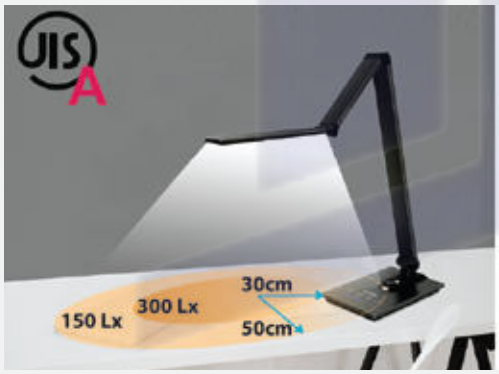

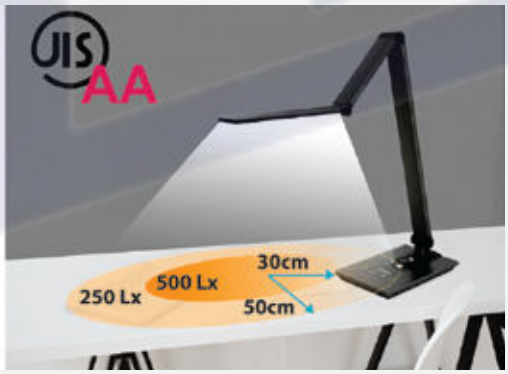

JIS A/AA là tiêu chuẩn hàng đầu Nhật Bản với sự kết hợp gồm nhiều yếu tố về độ sáng tiêu chuẩn, phân bổ ánh sáng tỏa đều, màu sắc chân thực và chống bức xạ mắt. Tạo điều kiện ánh sáng lý tưởng cho mắt tập trung học tập và làm việc.

Bạn có biết về **tiêu chuẩn AA?**

Các nhà nghiên cứu đã chứng minh được rằng sự kết hợp giữa độ sáng 500lx và nhiệt độ màu từ 5000K là điều kiện lý tưởng để học tập và làm việc, cùng điều kiện chiếu sáng cực tốt 50cm, dưới điều kiện này, mắt bạn sẽ có những trải nghiệm tốt nhờ ít mỏi mắt và độ tập trung cao hơn.



Ánh sáng trung tính 5000K

NNP61922 (Xanh)
NNP61923 (Bạc)

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: L436xW160xH160mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 6 cấp độ
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Đầu đèn có thể xoay được 90 độ

1.780.000



Ánh sáng trắng 6500K Ánh sáng vàng 2700K

NNP63933 (Bạc)

- Công suất: 12W/AC220-240V
- Kích thước: L210xW140xH480mm - Trọng lượng: 1.46kg
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Loại bỏ ánh sáng xanh gây hại mắt
- Cổng USB có thể sử dụng để sạc cho thiết bị điện tử

2.950.000



Ánh sáng trung tính 5000K Ánh sáng vàng 2700K

SQ - LE530K - W (Trắng)

- Công suất: 7W/AC100-240V
- Kích thước: W66 (cần đèn) x H314mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm (2700K) 350lm (5000K) - CRI: Ra83
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng với 5 cấp độ
- Đổi màu đèn LED bằng cách đóng hoặc mở cần đèn

3.850.000

ĐÈN BÀN LED - Tuổi thọ 20,000 giờ



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062919 (Đen)
HH-LT062819 (Trắng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

880.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT033619

- Công suất: 4.7W/0.06A/AC220-240V
- Kích thước: L108xW90xH526mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 100lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Hộp chân đèn thích hợp nhiều công năng sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT023219

- Công suất: 3.7W/0.06A/ AC 220 - 240V
- Kích thước: L120xW83xH475mm - Trọng lượng: 0.3 kg
- Quang thông: 100lm - 27 lm/W - CRI: Ra80
- 3 mức điều chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Chất liệu: Nhựa acrylic màu trắng sữa
- Chân đèn có kẹp thích hợp cho nhiều vị trí sử dụng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

895.000



ÁNH SÁNG ĐỒNG NHẤT

Loại bỏ hiện tượng bóng nhòa bảo vệ đôi mắt sáng



ÁNH SÁNG TỎA ĐỀU

Phân bổ ánh sáng lan tỏa của Panasonic có bán kính đến 50cm chiếu sáng nhẹ nhàng và tỏa đều



ÁNH SÁNG TỰ NHIÊN

Công nghệ loại bỏ ánh xanh, tạo ánh sáng tiêu chuẩn R80 gần với ánh sáng tự nhiên nhất

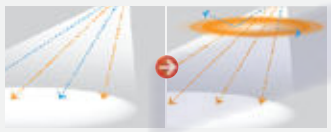

CHỐNG MỎI MẮT

Với mục tiêu hướng đến khách hàng, Panasonic đã kết hợp công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh cùng với màn bảo vệ cho đôi mắt sáng toàn diện.



Đạt tiêu chuẩn JIS A/AA hàng đầu Nhật Bản



Ánh sáng trung tính 4000K

HH-LT062019

- Công suất: 6W/0.05A/AC220-240V
- Kích thước: L177xW177xH468mm - Trọng lượng: 0.86kg
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng (10% - 100%) bằng cảm ứng
- Đầu đèn có thể xoay 180°, thân đèn gật 45°

1.320.000



Ánh sáng trung tính 5000K

HH-LT0220P19 (Trắng)
HH-LT0221P19 (Đen)
HH-LT0222P19 (Hồng)

- Công suất: 4.5W/AC220-240V
- Kích thước: L160xW147xH370mm - Trọng lượng: 1kg
- Quang thông: 150lm - CRI: Ra80
- Tùy chỉnh độ sáng bằng cảm ứng
- Cổng sạc USB 5V, bao gồm adapter
- Thời gian sử dụng: 3 - 4 giờ sau khi sạc đầy

1.400.000

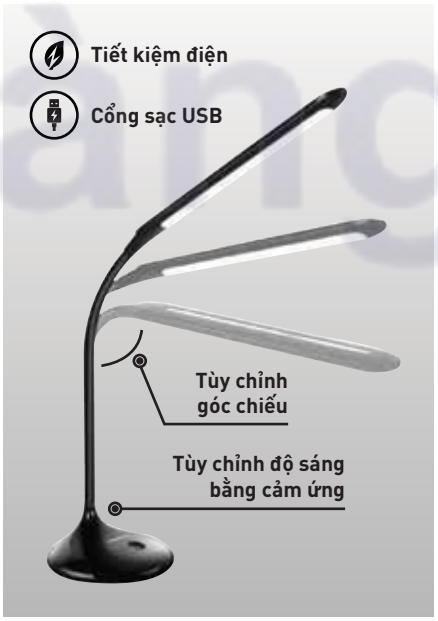

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED SLIM DOWNLIGHT - IP20

Góc chiếu 120°
Tuổi thọ: 25.000 giờ - CRI: Ra80

Đèn LED Downlight siêu mỏng đổi màu - Góc chiếu: 120°



NSD06C1 **Công suất 6W - 220V**

Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm
Quang thông: 420lm - 462lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 36 cái/thùng

139.000

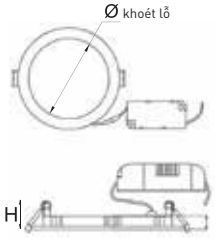

NSD09C1 **Công suất 9W - 220V**

Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
Quang thông: 630lm - 693lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 30 cái/thùng

199.000

NSD12C1 **Công suất 12W - 220V**

Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
Quang thông: 824lm - 840lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 24 cái/thùng

233.000



Đèn LED Downlight siêu mỏng - Góc chiếu: 120°



Công suất 6W - 220V
Kích thước: Ø120mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø110mm/H: 22mm

NSD0631 - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0641 - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0661 - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 36 cái/thùng

120.000

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm

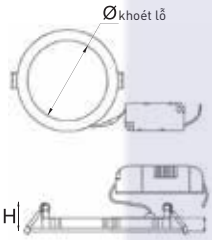

NSD0931 - 600lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD0941 - 620lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD0961 - 630lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 30 cái/thùng

152.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm

NSD1231 - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD1241 - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD1261 - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 24 cái/thùng

176.000



Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø200mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø190mm/H: 22mm

NSD1531 - 1050lm - Ánh sáng vàng 3000K
NSD1541 - 1125lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NSD1561 - 1125lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng

233.000

Đèn LED Downlight siêu mỏng cảm biến - Góc chiếu: 120°

** Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến*



NSD096S - Ánh sáng trắng 6500K
NSD093S - Ánh sáng vàng 3000K

Công suất: 9W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø135mm/H: 22mm
Quang thông: 630lm
Đóng gói: 30 cái/thùng

288.000

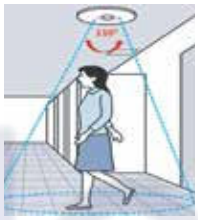

NSD126S - Ánh sáng trắng 6500K
NSD123S - Ánh sáng vàng 3000K

Công suất: 12W - 220V
Kích thước: Ø174mm/H: 22mm
Kích thước khoét lỗ: Ø160mm/H: 22mm
Quang thông: 840lm
Đóng gói: 24 cái/thùng

314.000

ĐÈN LED DOWNLIGHT CHỐNG NƯỚC - IP65



Đèn downlight chống nước
NDL1833-73 - Ánh sáng vàng 3000K
NDL1833-76 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: Ø110mm/H: 60mm
- Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 60mm
- Quang thông: 470lm - CRI: Ra84
- PF: 0.57 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 36°

865.000



Đèn downlight chống nước, điều chỉnh góc chiếu 20°
NDL1831-103 - Ánh sáng vàng 3000K
NDL1831-106 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 10W/AC220-240V
- Kích thước: Ø115mm/H: 75mm
- Khoét lỗ: Ø105mm/H: 75mm
- Quang thông: 709lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 39°

1.070.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED DOWNLIGHT - Tuổi thọ 25.000 giờ - CRI: Ra80 - IP20

Đèn LED Downlight dày đơn màu - Góc chiếu 90°



Công suất 5W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL0539 - 430lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL0549 - 460lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL0569 - 460lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
166.000

Công suất 8W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
NDL083 - 730lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL084 - 780lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL086 - 780lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
174.000



Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL123 - 1120lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL124 - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL126 - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
245.000

Công suất 14W - 220V
Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
NDL143 - 1240lm - Ánh sáng vàng 3000K
NDL144 - 1330lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NDL146 - 1330lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
257.000

Đèn LED Downlight dày đổi màu - Góc chiếu 90°



NDL05C (Công suất 5W - 220V)
Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
Quang thông: 430lm - 460lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
217.000

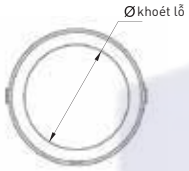

NDL08C (Công suất 8W - 220V)
Kích thước: Ø110mm/H: 58.6mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 58.6mm
Quang thông: 730lm - 780lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
231.000



NDL12C (Công suất 12W - 220V)
Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
Quang thông: 1120lm - 1200lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
323.000



NDL14C (Công suất 14W - 220V)
Kích thước: Ø145mm/H: 65.8mm
Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 65.8mm
Quang thông: 1300lm - 1400lm
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
352.000

ĐÈN LED DOWNLIGHT - ECO SERIES - Tuổi thọ 25.000 giờ - CRI: Ra80 - IP20

Góc chiếu 120° - Chất liệu: Nhựa PC
Đèn LED Downlight ECO đơn màu



Công suất 7W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED073 - 520lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED074 - 560lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED076 - 560lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
110.000

Công suất 9W - 220V
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø90mm/H: 45mm
NED093 - 620lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED094 - 666lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED096 - 666lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
126.000

Công suất 12W - 220V
Kích thước: Ø140mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø120mm/H: 45mm
NED123 - 910lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED124 - 980lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED126 - 980lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
146.000



Công suất 15W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED153 - 1150lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED154 - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED156 - 1250lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
185.000

Công suất 18W - 220V
Kích thước: Ø170mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø145mm/H: 45mm
NED183 - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED184 - 1500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED186 - 1500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
202.000

Công suất 24W - 220V
Kích thước: Ø220mm/H: 45mm
Kích thước khoét lỗ: Ø195mm/H: 45mm
NED243 - 1950lm - Ánh sáng vàng 3000K
NED244 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NED246 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
273.000

Đèn LED Downlight ECO đổi màu
Đổi màu ánh sáng: 3000K - 4000K - 6500K



NED07C
Công suất 7W - 220v - 50/60Hz
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Quang thông: 520lm - 560 lm
Đóng gói: 40 cái/thùng
129.000

NED09C
Công suất 9W - 220v - 50/60Hz
Kích thước: Ø110mm/H: 45mm
Quang thông: 620lm - 666lm
Đóng gói: 40 cái/thùng
142.000

NED12C
Công suất 12W - 220v - 50/60Hz
Kích thước: Ø120mm/H: 45mm
Quang thông: 910lm - 980lm
Đóng gói: 40 cái/thùng
169.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN LED PANEL ỐP TRẦN NỔI - IP20

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

Đèn Panel ốp trần nổi loại vuông
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120⁰
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



Công suất: 12W - 220V
Kích thước: L162xW162xH30mm
NPL123S - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL124S - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL126S - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng
217.000

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: L213xW213xH30mm
NPL183S - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL184S - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL186S - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng
282.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: L288xW288xH32mm
NPL243S - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL244S - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL246S - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
411.000

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120⁰
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



Công suất: 6W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H: 30mm
NPL063R - 360lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL064R - 400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL066R - 420lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng
146.000

Công suất: 12W - 220V
Kích thước: Ø164mm/H: 30mm
NPL123R - 800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL124R - 820lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL126R - 840lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng
206.000

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: Ø214mm/H: 30mm
NPL183R - 1170lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL184R - 1250lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL186R - 1300lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng
254.000

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: Ø288mm/H: 32mm
NPL243R - 1500lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL244R - 1550lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL246R - 1700lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng
376.000

ĐÈN PANEL ỐP TRẦN LẮP NỔI CẢM BIẾN - IP20

Đèn Panel lắp nổi cảm biến loại vuông
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120⁰
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



NPL126SS - 840lm - Ánh tráng trắng 6500K

Công suất: 12W - 220V - 50/60Hz
Kích thước: L162xW162xH40mm
Đóng gói: 20 cái/thùng
404.000

NPL186SS - 1300lm - Ánh tráng trắng 6500K

Công suất: 18W - 220V - 50/60Hz
Kích thước: L213xW213xH40mm
Đóng gói: 20 cái/thùng
476.000

NPL246SS - 1700lm - Ánh tráng trắng 6500K

Công suất: 24W - 220V - 50/60Hz
Kích thước: L288xW288xH40mm
Đóng gói: 10 cái/thùng
640.000

Đèn Panel lắp nổi cảm biến loại tròn
CRI: Ra70 - Góc chiếu 120⁰
Tuổi thọ 25,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



NPL126RS - 840lm - Ánh tráng trắng 6500K

Công suất: 12W - 220V - 50/60Hz
Kích thước: Ø145mm/H: 40mm
Đóng gói: 20 cái/thùng
388.000

NPL186RS - 1300lm - Ánh tráng trắng 6500K

Công suất: 18W - 220V - 50/60Hz
Kích thước: Ø174mm/H: 40mm
Đóng gói: 20 cái/thùng
458.000

NPL246RS - 1700lm - Ánh tráng trắng 6500K

Công suất: 24W - 220V - 50/60Hz
Kích thước: Ø174mm/H: 40mm
Đóng gói: 10 cái/thùng
612.000

ĐÈN LED TRẦN CHỐNG ẨM - IP44



Công suất: 18W/AC200-240V
Kích thước: Ø285mm/H60mm
NCL183MP - 1400lm - Ánh sáng vàng 3000K
NCL184MP - 1440lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NCL186MP - 1440lm - Ánh sáng trắng 6500K
CRI: Ra80
PF: >0.5 - IP44
Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
Diện tích chiếu sáng: 8-12m²
Đóng gói: 6 cái/thùng
327.000

Công suất: 24W/AC200-240V
Kích thước: Ø335mm/H60mm
NCL243MP - 1870lm - Ánh sáng vàng 3000K
NCL244MP - 1920lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NCL246MP - 1920lm - Ánh sáng trắng 6500K
CRI: Ra80
PF: >0.5 - IP44
Chất liệu: Chụp đèn acrylic màu trắng sữa
Diện tích chiếu sáng: 10-15m²
Đóng gói: 6 cái/thùng
367.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN LED PANEL OFFICE - IP20

Đèn Panel Office ốp trần loại tấm
CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ
Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

Công suất: 18W - 220V
Kích thước: L295xW295xH8.8mm
NPL30303 - 1520lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30304 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30306 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng — **565.000**

Công suất: 24W - 220V
Kích thước: L595xW295xH8.8mm
NPL30603 - 1995lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30604 - 2100lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30606 - 2100lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng — **695.000**

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: L595xW595xH8.8mm
NPL60603 - 3420lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL60604 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL60606 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng — **844.000**

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: L1195xW295xH9.4mm
NPL30123 - 3420lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL30124 - 3600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL30126 - 3600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 5 cái/thùng — **980.000**

Công suất: 60W - 220V
Kích thước: L1195xW595xH9.4mm
NPL60123 - 5130lm - Ánh sáng vàng 3000K
NPL60124 - 5400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NPL60126 - 5400lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 4 cái/thùng — **2.350.000**



PHỤ KIỆN DÙNG CHO PANEL OFFICE



NPL-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần — **36.000**



NPL-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần — **58.000**

BÓNG LED BULB TRỤ E27 - IP20

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°
Chất liệu: Chóa nhựa trắng, thân đèn nhôm bọc nhựa





Công suất: 20W - 220V
Kích thước: Ø70mm/H123mm
NLB203 - 1520lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng — **104.000**

Công suất: 30W - 220V
Kích thước: Ø80mm/H141mm
NLB303 - 2280lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 40 cái/thùng — **140.000**

Công suất: 40W - 220V
Kích thước: Ø100mm/H168mm
NLB403 - 3050lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB404 - 3200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB406 - 3200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng — **193.000**

Công suất: 50W - 220V
Kích thước: Ø118mm/H194mm
NLB503 - 3800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 12 cái/thùng — **267.000**

Công suất: 60W - 220V
Kích thước: Ø138mm/H222mm
NLB603 - 4560lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB604 - 4800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLB606 - 4800lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 6 cái/thùng — **334.000**

BÓNG LED BULB CÔNG SUẤT NHỎ E27 - IP20

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 15,000 giờ - Góc chiếu 280°
Chất liệu: nhựa PC





Công suất: 3W - 220V
Kích thước: Ø50mm/H88mm
NLB033 - 235lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB036 - 250lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng — **36.000**

Công suất: 5W - 220V
Kích thước: Ø55mm/H101mm
NLB053 - 425lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB056 - 450lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng — **42.000**

Công suất: 7W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H113mm
NLB073 - 570lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB076 - 600lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng — **46.000**

Công suất: 9W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H113mm
NLB093 - 765lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB096 - 806lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng — **54.000**

Công suất: 11W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H116mm
NLB113 - 1000lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB116 - 1055lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng — **61.000**

Công suất: 14W - 220V
Kích thước: Ø70mm/H133mm
NLB143 - 1450lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLB146 - 1521lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 60 cái/thùng — **86.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN LED T8 - Tuổi thọ 15,000 giờ - CRI: Ra80 - IP20

Chất liệu: Thủy tinh có bọc nhựa



Công suất 9W - 220V

NT8T0931 - 860lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T0961 - 900lm/ Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

75.000

Công suất 22W - 220V

NT8T223 - 2010lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T226 - 2200lm/ Dài 1.2 m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

122.000



Công suất 18W - 220V

NT8T1831 - 1750lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T1861 - 1800lm/ Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

106.000

Chất liệu: Thủy tinh



**Dự kiến có hàng T5/2021*

Công suất 10W - 220V - 50/60Hz

NT8T103 - 1091lm/Dài 0.6m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T106 - 1200lm/Dài 0.6m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

70.000

Công suất 20W - 220V - - 50/60Hz

NT8T203 - 2182lm/Dài 1.2m - Ánh sáng vàng 3000K
NT8T206 - 2400lm/Dài 1.2m - Ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 25 cái/thùng

99.000



MÁNG ĐÈN LED T8 - IP20



Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F109N
- Dài 0.6m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

58.000



Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F106
- Dài 0.6m
- Kích thước thân máng: W35xH18mm
- Đóng gói: 30 cái/thùng

42.000



Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F118N
- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

75.000



Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đơn
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F112
- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W35xH18mm
- Đóng gói: 30 cái/thùng

49.000



Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đôi
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F218N
- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W43.5xH18.5mm
- Đóng gói: 25 cái/thùng

91.000



Máng siêu mỏng LED Tuýp T8 loại đôi
Dùng cho bóng LED T8 - 220V
NT8F212
- Dài 1.2m
- Kích thước thân máng: W40xH23mm
- Đóng gói: 30 cái/thùng

84.000

MÁNG ĐÈN BATTEN - IP20



Máng đèn Batten đôi 1.2m
NLA42M
- Kích thước: L1227xW100xH85mm
- Đóng gói 8 cái/thùng

295.000



Máng đèn Batten đơn 1.2m
NLA41M
- Kích thước: L1227xW100xH85mm
- Đóng gói 8 cái/thùng

295.000

BỘ MÁNG ĐÈN LED T8 - IP20

Bộ máng đèn LED Tuýp T8 loại đơn 9W - 220V, 0.6m



NT8F109N3
- Máng đèn NT8F109N
- Kèm 1 bóng tuýp T8 NT8T0931 9W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F109N6
- Máng đèn NT8F109N
- Kèm 1 bóng tuýp T8 NT8T0961 9W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

143.000

Bộ máng đèn LED Tuýp T8 loại đơn 10W - 220V, 0.6m



Dự kiến có hàng T5/2021

NT8F1103
- Máng đèn NT8F106
- Kèm 1 bóng tuýp T8 NT8T103 10W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F1106
- Máng đèn NT8F106
- Kèm 1 bóng tuýp NT8T106 10W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

121.000

Bộ máng đèn LED Tuýp T8 loại đơn 18W - 220V, 1.2m



NT8F118N3
- Máng đèn NT8F118N
- Kèm 1 bóng tuýp T8 NT8T1831 18W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F118N6
- Máng đèn NT8F118N
- Kèm 1 bóng tuýp T8 NT8T1861 18W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

200.000

Bộ máng đèn LED Tuýp T8 loại đơn 20W - 220V, 1.2m



*Dự kiến có hàng T5/2021

NT8F1203
- Máng đèn NT8F112
- Kèm 1 bóng tuýp T8 NT8T203 20W, ánh sáng vàng 3000K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

NT8F1206
- Máng đèn NT8F112
- Kèm 1 bóng tuýp T8 NT8T206 20W, ánh sáng trắng 6500K
- Đóng gói: 15 bộ / thùng

158.000

MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC - IP65

Góc chiếu 180° - Công suất 220V 50/60Hz
Không kèm bóng - Sử dụng bóng LED Tuýp T8



Máng kín nước 0.6m loại đơn
NWP106

- Loại 1 bóng 0.6m
- Kích thước: L660xW70xH75mm
- Đóng gói: 18 cái/ thùng

260.000



Máng kín nước 1.2m loại đơn
NWP112

- Loại 1 bóng 1.2m
- Kích thước: L1270xW70xH75mm
- Đóng gói: 12 cái/ thùng

440.000

*Dự kiến có hàng T5/2021



Máng kín nước 1.2m loại đôi
NWP212

- Loại 2 bóng 1.2m
- Kích thước: L1270xW110xH72mm
- Đóng gói: 8 cái/ thùng

590.000



ĐÈN LED BÁN NGUYỆT - IP20

Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm, đầu đèn nhựa ABS, tấm bảo vệ nhựa PC
Tuổi thọ: 25,000 giờ

Công suất 36W - 220-265V - CRI: Ra >80
Kích thước: L1200xW75xH30mm

NSHV363 - 3600lm/ Ánh sáng vàng 3000K
NSHV364 - 3600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
NSHV366 - 3600lm/ Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng



299.000

Chất liệu: Nhựa trắng, viền nhôm
Tuổi thọ: 30,000 giờ

Công suất 18W - 220-265V - CRI: Ra80
Kích thước: L600xW75xH27mm
NSH183 - 1600lm/ Ánh sáng vàng 3000K
NSH184 - 1600lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
NSH186 - 1600lm/ Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

249.000



Công suất 36W - 220-265V - CRI: Ra80
Kích thước: L1200xW75xH27mm
NSH363 - 3000lm/ Ánh sáng vàng 3000K
NSH364 - 3000lm/ Ánh sáng trung tính 4000K
NSH366 - 3000lm/ Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 10 cái/thùng

425.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN PHA LED FLOOD LIGHT - IP65

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 25,000 giờ - Góc chiếu 110⁰
Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC



Công suất 10W - 220V
Kích thước: L117xW27xH138mm/ Trọng lượng: 0.29kg
NLF1103 - 760lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1104 - 800lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1106 - 800lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 12 cái/thùng **209.000**

Công suất 20W - 220V
Kích thước: L134xW27xH159mm/ Trọng lượng: 0.37kg
NLF1203 - 1520lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1204 - 1600lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1206 - 1600lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 12 cái/thùng **285.000**

Công suất 30W - 220V
Kích thước: L167xW36xH220mm/ Trọng lượng: 0.65kg
NLF1303 - 2280lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1304 - 2400lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1306 - 2400lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 12 cái/thùng **418.000**

Công suất 50W - 220V
Kích thước: L222xW38xH301mm/ Trọng lượng: 1.1kg
NLF1503 - 3800lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1504 - 4000lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1506 - 4000lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 6 cái/thùng **637.000**

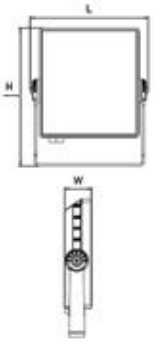

CRI: Ra80 - Tuổi thọ 30,000 giờ - Góc chiếu 110⁰
Chất liệu: Thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC



Công suất 100W - 220V
Kích thước: L220xW68xH282mm/ Trọng lượng: 1.65kg
NLF1003 - 8057lm - Ánh sáng vàng 3000K
NLF1004 - 8500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NLF1006 - 8500lm - Ánh sáng trắng 6000K
Đóng gói: 6 cái/thùng **1.416.000**



ĐÈN LED TRACK LIGHT - IP20

Đèn Track Light màu trắng
CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38⁰
Chất liệu: Chóa nhựa PC và thân nhôm bọc nhựa

Công suất: 7W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H85mm
NTR073W - 475lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074W - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076W - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **399.000**

Công suất: 14W - 220V
Kích thước: Ø85mm/H134mm
NTR143W - 1140lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR144W - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR146W - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **599.000**



Đèn Track Light màu đen
CRI: Ra80 - Tuổi thọ 20,000 giờ - Góc chiếu 38⁰
Chất liệu: Chóa nhựa PC và thân nhôm bọc nhựa

IP 20

Công suất: 7W - 220V
Kích thước: Ø60mm/H85mm
NTR073B - 475lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR074B - 500lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR076B - 500lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **399.000**

Công suất: 14W - 220V
Kích thước: Ø85mm/H134mm
NTR143B - 1140lm - Ánh sáng vàng 3000K
NTR144B - 1200lm - Ánh sáng trung tính 4000K
NTR146B - 1200lm - Ánh sáng trắng 6500K
Đóng gói: 20 cái/thùng **599.000**



Phụ kiện dùng cho đèn LED Track Light Nanoco



NTR-HR1W
Thanh ray loại H 1m màu trắng (chưa gồm đầu nối dây nguồn)
Kích thước: 35.5x17.5mm
Loại mạch: 1-circuit (P+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20
Đóng gói: 12 cái/thùng **295.000**



NTR-HR1B
Thanh ray loại H 1m màu đen (chưa gồm đầu nối dây nguồn)
Kích thước: 35.5x17.5mm
Loại mạch: 1-circuit (P+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20
Đóng gói: 12 cái/thùng **295.000**



NTR-CW
Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 100 cái/thùng **80.000**



NTR-CB
Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng **80.000**



NTR-MCW
Khớp nối giữa thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 200 cái/thùng **57.000**



NTR-MCB
Khớp nối giữa thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 200 cái/thùng **57.000**



NTR-LCW
Khớp nối chữ L thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 100 cái/thùng **119.000**



NTR-LCB
Khớp nối chữ L thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng **119.000**



NTR-TCW
Khớp nối chữ T thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 100 cái/thùng **156.000**



NTR-TCB
Khớp nối chữ T thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng **156.000**



NTR-4CW
Khớp nối chữ thập thanh ray loại H màu trắng
Đóng gói: 60 cái/thùng **202.000**



NTR-4CB
Khớp nối chữ thập thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 60 cái/thùng **202.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ - IP20

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

**Cảnh báo: Không bật dải LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây*



60 Chip LED

- **NSTID0602** - Ánh sáng vàng 2700K
- **NSTID0604** - Ánh sáng trung tính 4000K
- **NSTID0606** - Ánh sáng trắng 6000K

177.000

- Công suất: 4.5W/m, DC24V
- Số LED: 60 LED/m
- Loại LED: SMD2835
- Quang thông: 400 lm/m
- Kích thước: 8x1.3mm
- Độ dài: 5m
- Đoạn cắt: 6 chip LED
- Đóng gói: 1 cuộn/bịch - 40 bịch/thùng
- Loại: IP20 (Không phủ keo chống nước)



120 Chip LED

- **NSTID1202** - Ánh sáng vàng 2700K
- **NSTID1204** - Ánh sáng trung tính 4000K
- **NSTID1206** - Ánh sáng trắng 6000K

245.000

- Công suất: 9W/m, DC24V
- Số LED: 120 LED/m
- Loại LED: SMD2835
- Quang thông: 800 lm/m
- Kích thước: 8x1.3mm
- Độ dài: 5m
- Đoạn cắt: 6 chip LED
- Đóng gói: 1 cuộn/bịch - 40 bịch/thùng
- Loại: IP20 (Không phủ keo chống nước)



168 Chip LED

- **NSTID1682** - Ánh sáng vàng 2700K
- **NSTID1684** - Ánh sáng trung tính 4000K
- **NSTID1686** - Ánh sáng trắng 6000K

408.000

- Công suất: 12W/m, DC24V
- Số LED: 168 LED/m
- Loại LED: SMD2835
- Quang thông: 1200 lm/m
- Kích thước: 10x1.3mm
- Độ dài: 5m
- Đoạn cắt: 7 chip LED
- Đóng gói: 1 cuộn/bịch - 40 bịch/thùng
- Loại: IP20 (Không phủ keo chống nước)



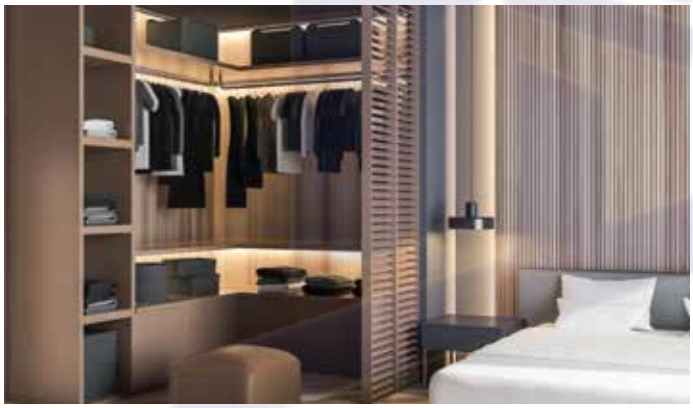



Bộ nguồn dùng cho LED dây trong nhà

Bộ nguồn trực tiếp



NST-AD30
Công suất: 30W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 1 cái/ hộp

179.000



NST-AD60
Công suất: 60W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 1 cái/ hộp

270.000

Bộ nguồn tổ ong

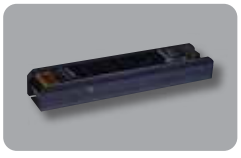

NST-PS60-24
Công suất: 60W
Kích thước : 172x34x23mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

184.000

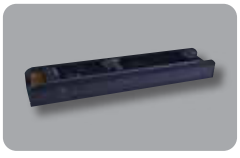

NST-PS250-24
Công suất: 250W
Kích thước : 258x48x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

466.000

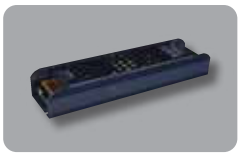

NST-PS150-24
Công suất: 150W
Kích thước : 195x49x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

333.000

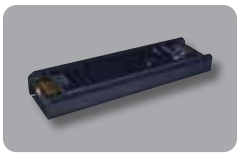

NST-PS360-24
Công suất: 360W
Kích thước : 245x64x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 1 cái/ hộp

513.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nẹp nhôm dùng cho LED dây trong nhà

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco




NST-AB1714

Kích thước: 2000x17x14.3mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít


Lắp nổi

142.000




NST-AB1013

Kích thước: 2000x10x13mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 8mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít


Lắp nổi

135.000




NST-AB1414

Kích thước: 2000x14.2x14.2mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12.5mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít


Lắp nổi

152.000






NST-AB2507

Kích thước: 2000x25x7mm
Kích thước lắp âm: 20x8mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít


Lắp âm

149.000






NST-AB2414

Kích thước: 2000x24.5x14.2mm
Kích thước lắp âm: 20x15mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít


Lắp âm

149.000




NST-AB1515

Kích thước: 2000x15.7x15.7mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 10mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít

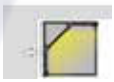
Lắp góc

113.000

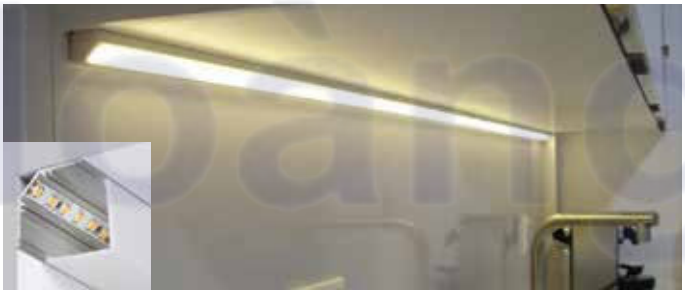

Phụ kiện khớp nối dùng cho LED trong nhà



NSTID-CW08
Khớp nối dây nguồn (15cm)
dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M
và 120LED/M — 6.100

NSTID-CW10
Khớp nối dây nguồn (15cm), dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M — 6.800



NSTID-MC08
Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán
60LED/M và 120LED/M — 2.700

NSTID-MC10
Khớp nối giữa dùng cho đèn
LED dây dán 168LED/M — 4.100

*Giá bán đã bao gồm VAT

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 60 CHIP LED

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

**Cảnh báo: Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây*

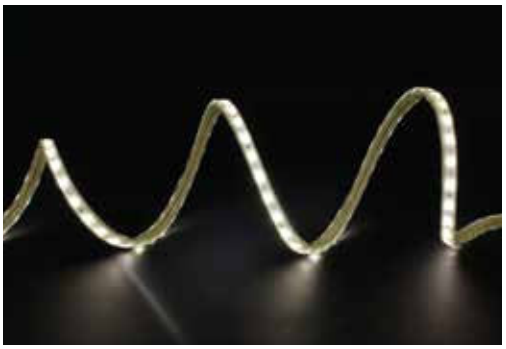

IP 65

- Điện áp đầu vào: 230V
- Số lượng chip: 60 chip LED/m
- Công suất: 4.5W/m
- Kích thước: 10*7.3mm
- Đoạn cắt: 1m
- Trọng lượng: 5kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 4.5W/m, 180lm/m

NST0602 - Ánh sáng vàng 2700K
NST0604 - Ánh sáng trung tính 4000K
NST0606 - Ánh sáng trắng 6000K

2.340.000

NST060R - Ánh sáng màu đỏ
NST060G - Ánh sáng màu xanh lục
NST060B - Ánh sáng màu xanh dương

2.570.000

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời - 60 CHIP LED





NST60-PC
Driver nguồn - IP44 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói 1 bộ/bịch

78.000



NST60-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200



NST60-MC
Khớp nối giữa - IP44
Đóng gói 10 cái/bịch

14.000



NST60-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200

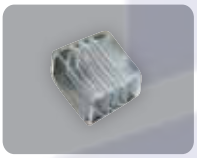

NST60-E
Nút bít - IP44
Đóng gói 50 cái/bịch

2.200

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED

**Cảnh báo: Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây*



IP 65

- Điện áp đầu vào: 220V-230V
- Số lượng chip: 120 chip LED/m
- Kích thước: 18x8mm
- Trọng lượng: 9kg
- Chiều dài cuộn: 50m
- Độ bảo vệ: IP65
- Chất liệu: PVC Anti-UV
- Tuổi thọ: 30,000 giờ
- Kèm 1 bộ phụ kiện

Công suất 8W/m, 600lm/m

NST1202 - Ánh sáng vàng 2700K
NST1206 - Ánh sáng trắng 6500K

3.760.000

Công suất 9W/m

NST120R - Ánh sáng màu đỏ
NST120G - Ánh sáng màu xanh lục
NST120B - Ánh sáng màu xanh dương

4.040.000

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời - 120 CHIP LED





NST-PC
Driver nguồn - IP44 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói 1 bộ/bịch

95.000



NST-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200



NST-MC
Khớp nối giữa - IP44
Đóng gói 10 cái/bịch

14.000



NST-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói 20 cái/bịch

2.200

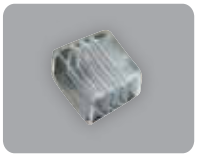

NST-E
Nút bít - IP44
Đóng gói 50 cái/bịch

2.200

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

LED EXIT - Đèn thoát hiểm LED





NEX2108C - Đèn thoát hiểm LED *(Đèn chưa kèm hình chỉ hướng)* — IP 20

- Công suất: 5.5W/AC220-240V/50Hz~60Hz, 0.05A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 42mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Pin: Lithium 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi: 500 cd/m² - Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP20
- Chất liệu: Nhựa PC
- Đóng gói: 12 cái/ thùng
- Không bao gồm hình chỉ hướng

466.000

Sản phẩm dùng kèm đèn LED thoát hiểm

Hình chỉ hướng



NEXF-L (1 mặt trái) — 18.000



NEXF-R (1 mặt phải) — 18.000



NEXF-D (1 mặt xuống) — 18.000



NEXF-U (1 mặt lên) — 18.000



NEXF-LR (1 mặt trái & phải) — 18.000



NEXF-TL (1 mặt toilet trái) — 18.000



NEXF-TR (1 mặt toilet phải) — 18.000



NEXF-TD (1 mặt toilet xuống) — 18.000



NEXF-TU (1 mặt toilet lên) — 18.000



NEXF-E (Đèn báo Exit) — 18.000

Bộ phụ kiện gắn tường



NEXA-W
Gồm 2 bộ pát gắn tường — 13.000

Bộ phụ kiện gắn treo trần



NEXA-C
Gồm 2 bộ dây treo trần — 50.000

LED EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp LED

NEM2135 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp — IP 20

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Công suất dự trữ: 2.5W
- Kích thước: 280mm x 280mm x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Lithium 3.7V/2.2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

490.000





LED DOWNLIGHT EMERGENCY - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp NEW

NDLE036 - Đèn LED Dowlight chiếu sáng khẩn cấp — IP 20

- Công suất: 3W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Công suất dự trữ: 2W
- Kích thước: Ø140 x 23mm/ Khoét trần: Ø65-85mm
- Trọng lượng: 220g
- Pin: Lithium 3.2V/1.5A
- Thời gian sạc: 16 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa, thân đèn nhôm
- Đóng gói: 48 cái/ thùng

455.000





LED HIGHBAY - Đèn nhà xưởng LED







IP65, 100 - 240V 50/60Hz
Ánh sáng trắng 5700K
Chất liệu: Nhôm đúc, chóa thủy tinh
Đóng gói: 1 cái/thùng — IP 65

Kích thước: Ø330mm/H: 125mm

- **NHB0906** - 10800lm - Công suất 90W — 3.900.000
- **NHB1206** - 14400lm - Công suất 120W — 4.320.000
- **NHB1506** - 18000lm - Công suất 150W — 4.700.000

Kích thước: Ø400mm/H: 141mm

- **NHB1806** - 21600lm - Công suất 180W — 5.850.000
- **NHB2106** - 25200lm - Công suất 210W — 6.200.000
- **NHB2406** - 28800lm - Công suất 240W — 6.600.000

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN TRẦN



IP 54





Đèn trần LED

NCL1331/ NCL1333 - Ánh sáng vàng 3000K
NCL1331-6/ NCL1333-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 15W/AC200-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm - Trọng lượng: 1.8kg
- Quang thông: 1266lm - CRI: Ra84
- PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

Ánh sáng trắng 6000K | Ánh sáng vàng 3000K

1.680.000

IP 54





Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-73 - Ánh sáng vàng 3000K
NSDL2236-76 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82
- PF: 0.53
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

Ánh sáng trắng 6000K | Ánh sáng vàng 3000K

1.210.000

IP 54





Đèn downlight trụ LED

NSDL2236-203 - Ánh sáng vàng 3000K
NSDL2236-206 - Ánh sáng trắng 5700K

- Công suất 20W/AC200-240V
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83
- PF: 0.53
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 34°

Ánh sáng trắng 5700K | Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG

IP 54

NEW





Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2891-6 - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6500K
NBL2891B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông
- PF: 0.9 : 218lm - CRI: Ra85
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 96°

Ánh sáng trắng 6000K | Ánh sáng vàng 3000K

860.000

IP 54

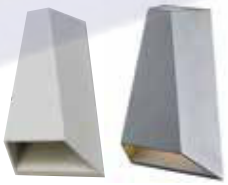



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 - Màu trắng, ánh sáng vàng 3000K
NBL2553-6 - Màu trắng, ánh sáng trắng 6500K
NBL2553S - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80
- PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 15°/75°

Ánh sáng trắng 6000K | Ánh sáng vàng 3000K

1.150.000

IP 54

NEW





Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621 - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2621-6 - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6500K
NBL2621B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0.84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82
- PF: 0.93 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 73°

Ánh sáng trắng 6000K | Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

IP 54

NEW





Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2541 - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K
NBL2541-6 - Màu xám nhạt, ánh sáng trắng 6500K
NBL2541B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1.7kg
- Quang thông: 841lm - CRI: Ra83
- PF: 0.90
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 21°

Ánh sáng trắng 6000K | Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN GẮN TƯỜNG

IP 54





Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2851 - Ánh sáng vàng 3000K
NBL2851-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82
- PF: 0.92
- Chất liệu: Nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 37°

Ánh sáng trắng 6000K | Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000

IP 54





NEW

Đèn gắn tường ngoài trời LED
NBL2233 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L135xW96xH135mm - Trọng lượng: 1.5kg
- Quang thông: 1153lm - CRI: Ra81
- PF: 0.91
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 18°

Ánh sáng vàng 3000K

1.680.000

IP 65





NBL1291A - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 20W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0.92
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

NBL1291 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 36W (56x0.64W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L500xW60xH60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 2156lm - CRI: Ra84
- PF: 0.99
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

Ánh sáng vàng 3000K

2.370.000

IP 54

NEW

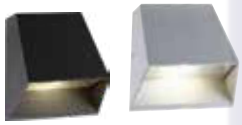



Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2691 - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K
NBL2691S - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 389lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 108°





Ánh sáng vàng 3000K

1.050.000

IP 54





NBL2721 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 126°





Ánh sáng vàng 3000K

1.580.000

IP 54





NBL2622 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm - Trọng lượng: 0.64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82
- PF: 0.88 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 72°

Ánh sáng vàng 3000K

1.080.000

IP 65





NBL1791 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm - Trọng lượng: 1.6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85
- PF: 0.5
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 105°

Ánh sáng vàng 3000K

1.720.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN GẮN TƯỜNG

IP 54





NBL5705 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 18W (86x0.2W)/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 801lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 112°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

IP 54





NBL5705A - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất 15W/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 769lm - CRI: Ra85
- PF: 0.99 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 103°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000



IP 54





NBB1466 - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290mm
- Trọng lượng: 2.6kg
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.510.000



(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN

IP 54





NBB1463 - Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

- Công suất: Sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW140xH350mm - Trọng lượng: 2.5kg
- IP54
- Ánh sáng trắng/vàng - E27x1
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.720.000

IP 54





NGL8434 - Đèn sân vườn LED

- Công suất 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

Ánh sáng vàng 3000K

2.080.000

IP 54





NGL2723- Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 45°

Ánh sáng vàng 3000K

1.790.000

IP 54





NGL8453 - Đèn sân vườn LED

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84
- PF: 0.89 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 38°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN SÂN VƯỜN

IP 67





NGL1211 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 110°

Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

IP 67





NGL1212 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 99°

Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

IP 67





NGL1214 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP67
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 70°

Ánh sáng vàng 3000K

1.510.000

IP 67



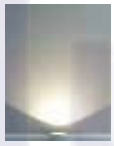

NGL2642 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

IP 67





NGL2641 - Đèn sân vườn LED âm đất

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

Ánh sáng vàng 3000K

1.310.000

ĐÈN SPOTLIGHT SÂN VƯỜN

IP 65





Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2746 - 10W(1x10W COB) - 656lm

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra83 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 26°

Ánh sáng vàng 3000K

1.290.000

IP 65



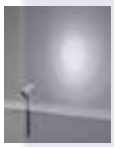

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673 - 10W(1x10W) - 613lm **1.510.000**
NSP1676 - 15W(1x15W) - 934lm **1.650.000**
NSP1679 - 20W(1x20W) - 1283lm **1.720.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1.38kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K

IP 65



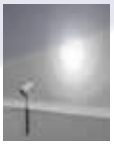

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663 - 10W(1x10W) - 613lm **1.370.000**
NSP1666 - 15W(1x15W) - 934lm **1.510.000**
NSP1669 - 20W(1x20W) - 1283lm **1.580.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1.1kg
- Ánh sáng vàng 3000K
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K





ĐÈN LỐI ĐI

IP 65





NSL1711 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 8.8W (11x0.8W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

Ánh sáng vàng 3000K

1.440.000

IP 65





NSL1713 - Đèn LED chiếu chân lắp nổi

- Công suất: 4W (5x0.8W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000

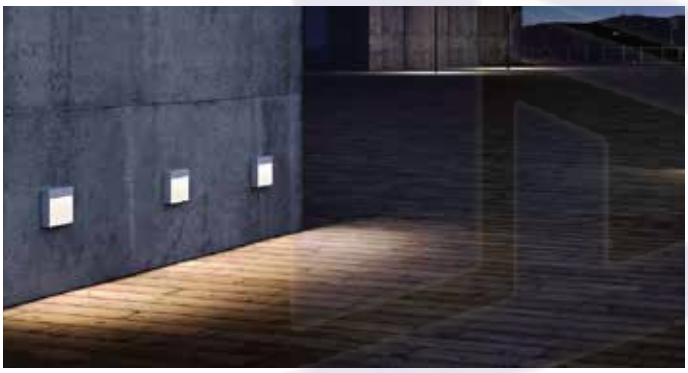

IP 65



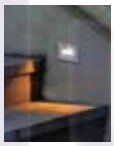

NSL1121A - Đèn LED gắn âm tường chiếu chân

- Công suất 3.6W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 75lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 33°

Ánh sáng vàng 3000K

840.000



*Giá bán đã bao gồm VAT

IP 65





NSL2102 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

610.000

IP 65





NSL2101 - Đèn LED chiếu chân âm tường

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80
- PF: 0.5
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

Ánh sáng vàng 3000K

570.000

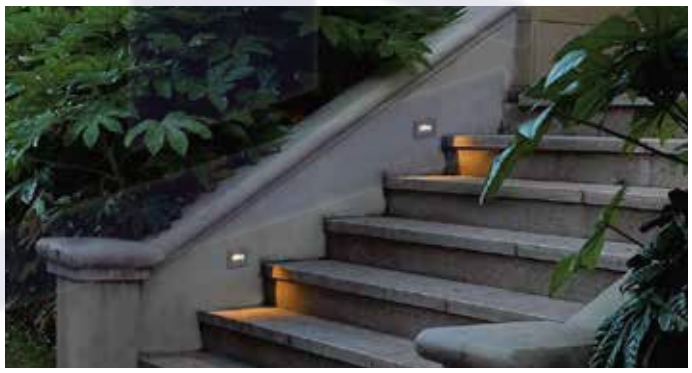

IP 65



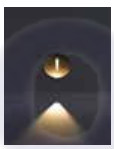

NSL2781 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

Ánh sáng vàng 3000K

790.000

IP 65





NSL2782 - Đèn sân vườn LED chiếu chân

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 23lm - CRI: Ra80
- PF: 0.53
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

Warm White 3000K

790.000



Hãy truy cập trang Youtube của **Panasonic Life Solution** để có thông tin trực quan hơn về ưu điểm, cách thức lắp đặt và những hướng dẫn hữu ích của các sản phẩm: đèn, quạt, bơm, công tắc và cầu dao,...

19006711

Zalo | Youtube | Website Nanoco | Website Panasonic


MINERVA T.1


HALUMIE T.2


WIDE SERIES T.3-6


REFINA T.7-8


FULL-COLOR T.9

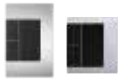
GEN-X T.10


Ổ CẮM CÓ DÂY/ÂM SÀN CHUÔNG ĐIỆN T.11


CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ T.12


CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN & MCCB / ELB / HB T.13-15


Ổ CẮM CÓ DÂY-TỦ ĐIỆN T.16


HỘP NỐI, HỘP ÂM T.17


DÂY CÁP/ BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN T.18


ỐNG THẲNG & ỐNG MỀM PHỤ KIỆN T.19-20


PCE T.21-22


QUẠT HÚT T.23 -25


MÁY LỌC KHÔNG KHÍ T.26


QUẠT TRẦN T.27-28


QUẠT ĐIỆN T.29-30


MÁY NƯỚC NÓNG T.31-32


MÁY BƠM T.33-34


BẾP ĐIỆN TỪ T.35


LED DOWNLIGHT/LED PANEL/ LED NEO BULB/ LED KB BATTEN T.36-39


ĐÈN LUNA SERIES/ ĐÈN TRẦN LED T.40-44


ĐÈN THẢ T.45


ĐÈN TƯỜNG/ ĐÈN CHIẾU ĐIỂM/ ĐÈN PHA T.46-47


ĐÈN BÀN LED T.48-49


LED DOWNLIGHT/LED PANEL ỐP TRẦN/LED T8/ MÁNG ĐÈN/ ĐÈN BÁN NGUYỆT T.51-56


ĐÈN PHA/TRACK LIGHT/LED DÂY/ LED THOÁT HIỂM & KHẨN CẤP T.57-61


ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI LED T.62-66

Hotline bảo hành Panasonic: 1800 15 93

Website: www.nanoco.com.vn
Email: info@nanoco.com.vn